



Số: 607/BC-HĐQT

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
NĂM 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC, ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước “Báo cáo thường niên năm 2014” của Petechim như sau:

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**
PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY
PETECHIM JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: 0305447723
- Vốn điều lệ : 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng)
- Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : (84-8) 54112323
- Số fax : (84-8) 54112332
- Email : contact@petechim.com.vn; info@petechim.com.vn
- Website : www.petechim.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành dầu khí non trẻ của Việt Nam. Đến năm 1994, Petechim được chuyển giao cho PetroVietnam với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật, thương mại và cung ứng thiết bị, vật tư, máy móc cũng như các công trình đồng bộ hàng đầu của Việt Nam.
- Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là “Petechim”, được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS ngày 05/10/1994 hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PetroVietnam).

- Ngày 27/09/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg về việc “Chuyển Công ty Thương mại Dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên”.
- Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc “Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí” với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Petechim.

Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc “Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim” trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim (tên giao dịch viết tắt là Petechim Servimex) có 51% vốn góp của Tổng công ty Thương mại Dầu khí, sau khi được thành lập kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Petechim.

- Tiếp tục tiến trình sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).
- Sau khi thành lập PV Oil, thương hiệu Petechim chính thức được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim. Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim.

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim là đơn vị kế thừa toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí cũng như thương hiệu của Tổng công ty Thương mại Dầu khí Petechim trước đây. Công ty Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) sang lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong hai năm 2013 và 2014:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	4669

STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển.	5229
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết: Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
4	Đại lý, môi giới, đấu giá - chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)	4610
5	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7	Lập trình máy vi tính	6201
8	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511

– Địa bàn kinh doanh:

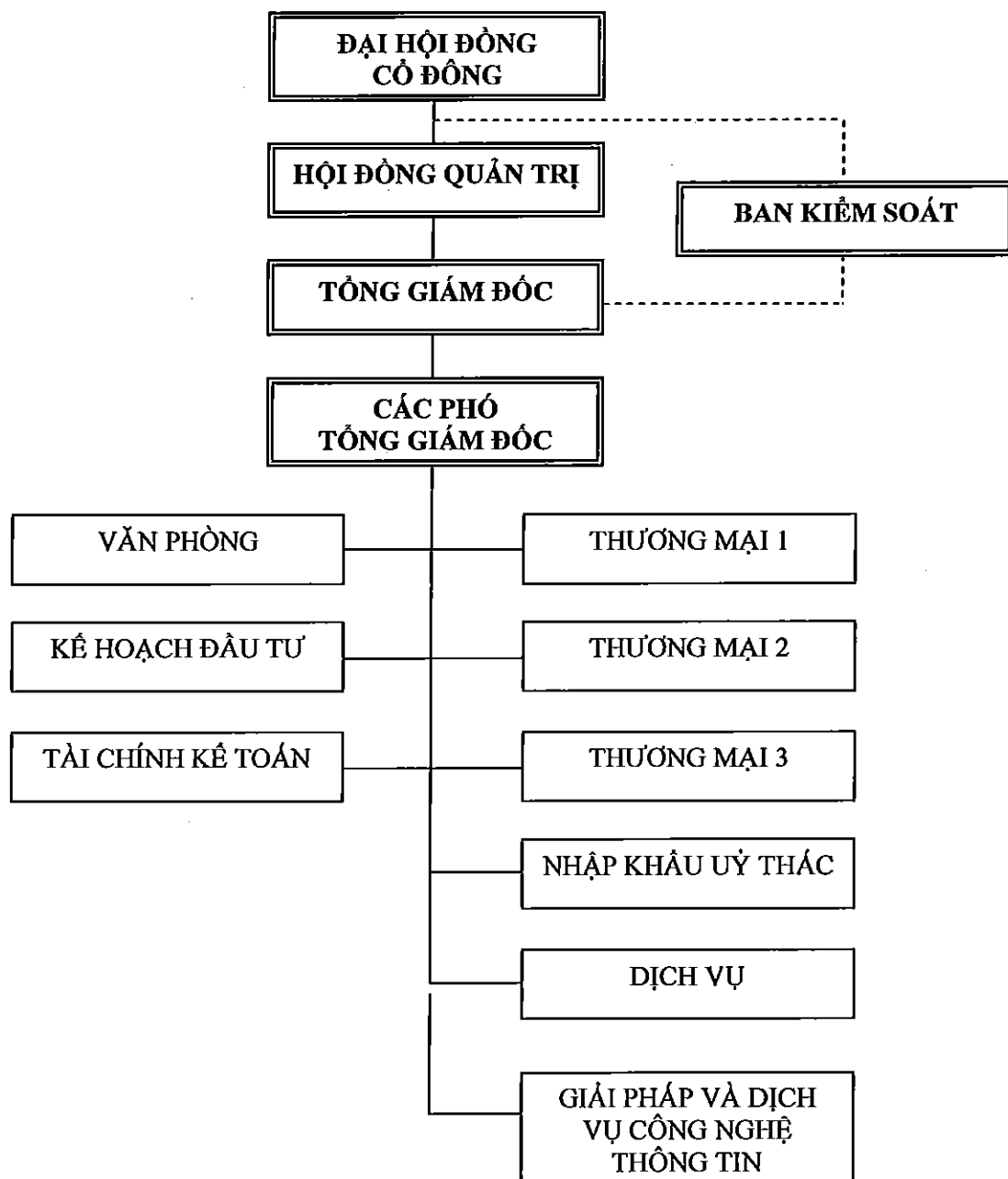
- Trụ sở cũ: Tầng 7, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trụ sở hiện tại: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

– Mô hình quản trị:



– Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con:

1. Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh (GEC)

+ Công ty liên kết:

2. Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC)

3. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn)

4. Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ)

5. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

6. Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

(Chi tiết xin xem Phụ lục 001 đính kèm Báo cáo này)

5. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) cho giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2025 là: **“Phát triển thành một Công ty thương mại hàng đầu trong lĩnh vực Dầu khí”**. Các nhiệm vụ cụ thể của Petechim:

- Nhà cung cấp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp thiết bị phục vụ cho các dự án phục vụ cho khâu hạ nguồn và các dự án trong lĩnh vực Dầu khí.
- Nhà cung cấp hàng đầu về hóa phẩm và các thiết bị, hệ thống phòng thí nghiệm. (Trong thời gian qua, Petechim đã trở thành một đơn vị mạnh trong việc cung cấp hóa phẩm, thiết bị phòng thí nghiệm cho PV Oil, Vietsovpetro, Viện Dầu khí, Trường cao đẳng nghề Dầu khí ...)
- Nhà tổng thầu có uy tín trong lĩnh vực hạ nguồn dầu khí trong nước vào năm 2015 và khu vực vào năm 2025. (Xác định EPC là sản phẩm tạo ra sự đột phá cho sự phát triển của Công ty, trong thời gian vừa qua, Petechim đã đẩy mạnh xây dựng lực lượng cán bộ, đặt ra từng bước đi cụ thể của mình. Tuy nhiên, để thực hiện thành công định hướng trên, Petechim cần được tạo điều kiện để phát triển hoàn chỉnh mô hình hoạt động và các lĩnh vực liên quan, trong đó sự hỗ trợ từ phía Tổng Công ty là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, việc chưa tận dụng đội ngũ chuyên gia, máy móc thiết bị, hệ thống phòng thí nghiệm của PV Oil trong các mặt hoạt động của Petechim đã phần nào làm giảm hiệu quả hoạt động của Petechim cũng như chưa phát huy hết được các nguồn lực của PV Oil)
- Có sản phẩm, dịch vụ là sở hữu trí tuệ và mang thương hiệu riêng Petechim. (Trong thời gian qua, Petechim bằng sự nỗ lực của mình đã có 3 sản phẩm trí tuệ, mang thương hiệu Petechim như giải pháp phục vụ đào tạo cho Trường Đại học Dầu khí; Giải pháp số hóa, thư viện điện tử; Giải pháp trong hệ thống tự động hóa cho khâu bán lẻ xăng dầu đã được đăng ký bản quyền. Trong thời gian tới, Petechim tiếp tục phát huy và tăng cường phát triển mảng này, đẩy mạnh việc tham gia vào quá trình sản xuất/ tự thực hiện sản xuất những vật tư, thiết bị phục vụ trực tiếp cho các đơn vị trong ngành Dầu khí và đặc biệt là PV Oil)
- Là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: cung cấp các sản phẩm, vật liệu, chất phụ gia thân thiện với môi trường. (Petechim đã và đang tìm kiếm, cung cấp cho PV Oil, VSP, các JOC, ... các phụ gia, hóa phẩm, vật tư thân thiện với môi trường, nghiên cứu triển khai các dự án (Đèn Led tiết kiệm năng lượng, thu gom dầu hơi trong quá trình xuất nhập sản phẩm nhẹ ...) và sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc tìm kiếm và cung cấp các sản phẩm trên. Với việc làm này, Petechim đang gián tiếp thực hiện việc bảo vệ môi trường, giảm độc hại trong các hoạt động của ngành Dầu khí)
- Là đơn vị đi cùng với Tổng Công ty, Tập đoàn trong việc phát triển các dự án Dầu khí ở nước ngoài. (Petechim đã và đang đi cùng với Tổng Công ty, Tập đoàn trong việc phát triển các dự án ở nước ngoài như tại Angeri, Nga, các nước SNG. Đây sẽ là hướng đi mới của Công ty để vươn xa và khẳng định mình trên thị trường quốc tế)

6. Các rủi ro:

- Nền kinh tế thế giới và trong nước tuy đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ biến động mạnh.

- Xuất hiện nguy cơ biến động tỷ giá của tiền đồng Việt Nam so với các đồng ngoại tệ khác.
- Mục tiêu của Tập đoàn trong việc tăng trưởng hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí sẽ tạo áp lực đáng kể cho các doanh nghiệp trong ngành.
- Một vài hoạt động kinh doanh triển khai theo hình thức dự án gặp vướng mắc, tồn đọng nhất định trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, tạo tâm lý e ngại cho khách hàng khi giao các dự án lớn cho Petechim thực hiện.
- Hoạt động đầu tư của Công ty chưa hiệu quả, chưa tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2014:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2014, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam, các đối tác truyền thống trong ngành như Vietsovetro, PVEP POC... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi quan trọng để Công ty giữ vững được thị trường truyền thống trong mảng dịch vụ thương mại của mình.
 - Năm 2014 cũng là giai đoạn Công ty Petechim tập trung phát triển mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là các lĩnh vực: công nghệ thông tin, tự động hóa và công nghệ pha trộn các sản phẩm dầu khí.
 - Tuy nhiên, năm 2014 cũng là năm mà Petechim phải đương đầu với những khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do sự xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới; cộng với tác động khách quan của tình hình khủng hoảng quốc tế và chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô trong nước.
 - Hoạt động đổi mới doanh nghiệp của Petechim trong năm 2014 tiếp tục được chú trọng, nhằm tạo nội lực mới cho doanh nghiệp trong bối cảnh tình hình kinh tế xuất hiện nhiều khó khăn, thử thách.
- ❖ Trong bối cảnh đó, các hoạt động của Công ty Petechim trong năm 2014 tập trung vào những việc trọng tâm sau:
- Thực hiện các hợp đồng đã ký và triển khai các dự án dự nguồn từ năm 2013.
 - Khảo sát và nghiên cứu thị trường nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ thương mại, đặc biệt chú trọng tìm hướng đi mới mở rộng ra ngoài phạm vi Tổng công ty Dầu Việt Nam.
 - Tham gia đấu thầu các dự án mới và triển khai các hợp đồng ký mới.
 - Tiếp quản Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC).
 - Theo dõi chặt chẽ tình hình và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.

- Xử lý dứt điểm các tồn đọng và quyết toán các dự án trước đây với Tổng công ty Dầu Việt Nam.
- Xử lý tình hình công nợ kinh doanh cả phê với Công ty Hưng Yên.
- Xử lý tình hình công nợ cung cấp nhiên liệu với Công ty Tradoco.
- Tiến hành các thủ tục đề nghị tái cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và duy trì chứng chỉ ISO của Công ty.
- Thực hiện lộ trình thoái vốn ra khỏi các doanh nghiệp Petechim không nắm cổ phần chi phối, gồm:
 - Công ty Cổ phần Xây dựng Trang trí nội thất (ADEC);
 - Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC);
 - Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ);
 - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn);
 - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung).

Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2014 của Công ty Petechim như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	% so với KH năm 2014	% so với năm 2013
1	Doanh thu	1.850.000,00	2.188.800,86	118%	132%
2	Giá vốn	1.720.000,00	2.063.053,58	120%	134%
3	Chi phí	82.400,00	100.614,27	122%	132%
4	LNTT	47.600,00	25.752,88	54%	56%
5	LNST	36.900,00	20.336,96	55%	58%

Đánh giá kết quả thực hiện:

Về doanh thu

Trong năm 2014 Công ty Petechim đạt được doanh thu là 2.188,8 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch doanh thu cả năm, vượt 32% so với năm 2013.

Đạt được mức doanh thu vượt mức kế hoạch là do trong năm hoạt động thương mại của Công ty thực hiện được một số hợp đồng thời vụ có giá trị lớn, đồng thời tập thể Petechim đã có sự nỗ lực rất cao, khắc phục mọi khó khăn, phát huy tốt năng lực kinh doanh trước tình hình khó khăn của kinh tế nói chung và tình hình khó khăn của nội bộ nói riêng khi Công ty có nhiều chuyển biến do một số cán bộ chủ chốt chuyển công tác.

Về lợi nhuận

luc

Trong năm 2014, hoạt động kinh doanh của Công ty Petechim phải đương đầu với những khó khăn do:

- Thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới;
- Hoạt động thương mại chủ yếu tập trung vào công tác đấu thầu trong khi mức độ cạnh tranh trên thị trường cao hơn nhiều so với thời kỳ trước nên công tác thương mại gặp nhiều khó khăn, hiệu quả kinh tế không cao như kỳ vọng;
- Chi phí bán hàng và quản lý ngày càng tăng cao, cộng với việc trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư cũng làm giảm đáng kể lợi nhuận trước thuế của Công ty.
- Do thay đổi về chủ trương của PV Oil nên dự án chỉnh trang ngoại thất cửa hàng xăng dầu của PV Oil bị quyết toán lỗ 5 tỷ đồng. Đặc biệt là việc dừng không tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của PVOil làm ảnh hưởng rất lớn đến các chi phí đã chuẩn bị cho giai đoạn 2 và hiệu quả kinh doanh của Công ty Petechim.

Do đó, mặc dù chỉ tiêu doanh thu vượt mức kế hoạch nhưng nhóm chỉ tiêu lợi nhuận đạt tỷ lệ thấp hơn, lợi nhuận trước thuế là 25,75 tỷ đồng, đạt 54% kế hoạch năm.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

- Ông **Trần Văn Mạnh** - Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 05 – 03 – 1965

Số CMND: 025141600 cấp ngày 10 – 08 – 2009 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

- Ông **Hoàng Dương** – Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 19 – 08 – 1960

Số CMND: 022010865 cấp ngày 16 – 12 – 2014 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Khoa học – Chuyên ngành đường ống bể chứa dầu

Giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

- Ông **Trần Mạnh Hùng** – Phó Tổng giám đốc.

Sinh ngày: 13 – 09 – 1963

Số CMND: 023185805 cấp ngày 24 – 05 – 2002 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển

- Ông **Lê Thành Đức** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24 – 11 – 1969

Số CMND: 023425287 cấp ngày 28 – 06 – 1997 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Ông **Bùi Đình Trung** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28 – 11 – 1981

Số CMND: 023474033 cấp ngày 29 – 01 – 2007 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin

- Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 27 – 02 – 1982

Số CMND: 273099232 cấp ngày 25 – 09 – 2010 tại Vũng Tàu.

Trình độ: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

– Những thay đổi trong Ban điều hành: Có thay đổi

- Ông **Đặng Hùng Tuấn** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06 – 07 – 1963

Số CMND: 023323080 cấp ngày 26 – 08 – 2009 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ (PTS) ngành khoan

Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh/Ngoại thương (tại chức)

Chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01/07/2014.

– Số lượng cán bộ, nhân viên: 145 người

– Chính sách đối với người lao động:

- Tóm tắt chính sách:

+ Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; người lao động khi nghỉ việc tại Công ty nếu đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc (cứ mỗi năm làm việc tại Công ty là nửa tháng lương).

+ Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đào tạo đúng đối tượng;

+ Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động thể hiện ở vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.

+ Người lao động ký hợp đồng lao động 01 năm trở lên được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; được cấp đồng phục Công ty; được tham gia khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm;

+ Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; lao động nữ sinh con, nghỉ thai sản; sinh nhật; hiếu hỷ; trợ cấp nằm viện; đi du lịch...

- Thay đổi chính sách đối với người lao động năm 2014:

+ Thực hiện việc tăng lương và thu nhập cho người lao động từ 5 đến 15%. Chính sách này nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc hiệu quả hơn mang lại lợi ích cho Công ty cũng như bản thân người lao động.

+ Ngoài việc triển khai các khóa đào tạo nội bộ, Công ty đã tăng cường việc cử người lao động tham gia các khóa đào tạo bên ngoài với kinh phí gần 150 triệu đồng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động, tăng năng lực cạnh tranh cho Công ty.

+ Tiếp tục thực hiện việc mua bảo hiểm con người cho người lao động theo Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm con người năm 2014 số: 44/PETE.TCKT-PVI/07-2010/14/PL01 Pias: 14/16/04/CSSK/PC00083 ký ngày 15/4/2014 giữa Công ty Petechim và Công ty Bảo hiểm Dầu khí PVI, nhằm phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh của CBNV với trách nhiệm và quyền lợi cao, đặc biệt bảo vệ người lao động trong các trường hợp rủi ro như: tử vong, tàn tật, tai nạn, nằm viện, phẫu thuật...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị tính: VNĐ đồng

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
1	Đầu tư vào công ty con	CÔNG TY CP TM NĂNG LƯỢNG XANH Ngày góp vốn: 23/09/2012 Người đại diện: 1. Trần Văn Mạnh (Tổng GD); 2. Nguyễn Quang Trung (Trưởng BKS)	Vốn điều lệ	20,000,000,000
			Vốn Petechim góp	9,526,687,800
			Tỉ lệ sở hữu	51%
			Doanh thu 2013	243,579,308,701
			Lợi nhuận sau thuế 2013	6,866,982,068
			Tỉ lệ chia cổ tức 2013	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết	CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ PETECHIM Ngày góp vốn: 24/11/2009 Người đại diện: Phạm Việt Thắng Chức danh: Trưởng Phòng KHĐT	Vốn điều lệ	
			Vốn Petechim góp	2,900,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	25%
			Doanh thu 2013	14,793,243,083
			Lợi nhuận sau thuế 2013	(1,377,902,161)
			Tỉ lệ chia cổ tức 2013	-
3		Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn Ngày góp vốn: 14/02/2011 Người đại diện: Trần Văn Mạnh Chức danh: Tổng giám đốc	Vốn điều lệ	200,000,000,000
			Vốn Petechim góp	11,000,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	5.50%
			Doanh thu 2013	6,042,954,550,056
			Lợi nhuận sau thuế 2013	12,051,973,451
			Tỉ lệ chia cổ tức 2013	-

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
4		Công ty CP SX&Chế biến DK Phú Mỹ <i>Ngày góp vốn: 22/03/2011</i> <i>Người đại diện: Trần Mạnh Hùng</i> <i>Chức danh: Phó tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	500,000,000,000
			Vốn Petechim góp	10,000,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	2%
			Doanh thu 2013	365,102,739,209
			Lợi nhuận sau thuế 2013	30.848.297.054
			Tỉ lệ chia cổ tức 2013	-
5		Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung <i>Ngày góp vốn: 09/11/2011</i> <i>Người đại diện: Trần Mạnh Hùng</i> <i>Chức danh: Phó tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	140,000,000,000
			Vốn Petechim góp	3,000,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	2.14%
			Doanh thu 2013	3,851,85,584,786
			Lợi nhuận sau thuế 2013	16,665,889,816
			Tỉ lệ chia cổ tức 2013	-
6		Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) <i>Ngày góp vốn: 31/12/2013</i> <i>Người đại diện: 1. Hoàng Dương – Chủ tịch HĐQT; 2. Bùi Đình Trung – Phó TGD; 3. Nguyễn Quang Trung – Trưởng BKS.</i>	Vốn điều lệ	42,352,900,000
			Vốn Petechim góp	18,360,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	43.35%
			Doanh thu 2013	67,916,169,846
			Lợi nhuận sau thuế 2013	504,242,411
			Tỉ lệ chia cổ tức 2013	-
TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ			54.386.687.800 VNĐ	

- Trong tháng 10/2014, Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn toàn bộ 1.000.000 cổ phần khỏi Công ty ADEC và việc thoái vốn khỏi các doanh nghiệp không nắm cổ phần chi phối cũng đang được tiếp tục tiến hành, tuy nhiên Công ty Petechim đang gặp phải một số khó khăn do PV Oil đã quyết định không mua lại cổ phần của Petechim tại PV Oil Phú Mỹ, PV Oil Sài Gòn, PV Oil Miền Trung mà sẽ giới thiệu cho các đơn vị trong ngành khi PVOIL tiến hành tái cấu trúc trong năm 2015. Vì vậy việc thoái vốn này sẽ được tiến hành vào các thời điểm thích hợp.
- Hiệu quả kinh doanh của các Công ty / Doanh nghiệp mà Petechim góp vốn thì ngoài 2 Công ty Petechim chiếm tỷ trọng cao là GEC và PAIC có lợi nhuận, các doanh nghiệp còn lại đều không khả quan. Khả năng nhận cổ tức từ các Công ty mà Petechim góp vốn là không cao.
- Tính đến hết năm 2014, tổng giá trị đầu tư góp vốn còn lại của Công ty Petechim là 54.386,69 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	1.020.642.344.990	977.848.721.033	Giảm 4 %
Doanh thu thuần	1.633.959.160.792	2.155.605.576.149	Tăng 32 %

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/ giảm (%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.774.332.617	25.252.287.468	Giảm 44 %
Lợi nhuận khác	-111.942.456	-119.277.252	Tăng 7 %
Lợi nhuận trước thuế	46.281.217.038	25.752.877.741	Giảm 44 %
Lợi nhuận sau thuế	35.284.248.081	20.336.964.815	Giảm 42 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10,5%	8%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2013	2014
Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
HS thanh toán nhanh	1,23	0,95
HS thanh toán hiện thời	1,25	1,23
Chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản	73%	73%
Tỷ suất tự tài trợ nợ = Nợ phải trả/VCSH	25%	26%
Chỉ tiêu năng lực hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	6	5
Kỳ thu tiền bình quân	57	66
Số vòng quay hàng tồn kho	55	21
Số ngày tồn kho	6	17
Khả năng sinh lời		
LN gộp biên = Lợi nhuận gộp /doanh thu thuần	5,9%	4,3%
ROS = Lợi nhuận ròng/doanh thu thuần	2,2%	0,9%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
- Tổng số cổ phần: 20.000.000 Cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Tổng số cổ đông tính đến ngày 06/03/2015: 2.832 cổ đông.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm trên 5%:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VDL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VND	58.000.000.000	29,00%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An	VND	46.200.000.000	23,10%
3	Công ty CP Chứng khoán Phú Gia	VND	29.800.000.000	14,90%
4	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HDBank)	VND	22.000.000.000	11,00%
Tổng cộng			156.000.000.000	78,00%

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	14.500.000.000	29,00%
2	Nguyễn Lê Minh	VNĐ	7.630.000.000	15,26%
3	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	VNĐ	3.370.000.000	6,74%
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VNĐ	2.500.000.000	5,00%
Tổng cộng			28.000.000.000	56,00%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn lại chặng đường hoạt động trong năm 2014, Công ty Petechim tự đánh giá các kết quả đạt được như sau:

- Tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng 06 năm liên tiếp sau khi chuyển đổi mô hình công ty Nhà nước (trong Tổng công ty Petechim cũ) sang mô hình công ty cổ phần;
- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu doanh thu, đạt 118% kế hoạch doanh thu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 giao cho nhưng nhóm chỉ tiêu lợi nhuận đạt tỷ lệ thấp hơn, đạt 54% kế hoạch năm do những khó khăn khách quan lẫn chủ quan từ phía Công ty và nền kinh tế đem lại.
- Đảm bảo tốt các quyền lợi của cổ đông;
- Giữ gìn và phát huy được uy tín của thương hiệu Petechim trên thị trường;
- Giữ vững được thị trường truyền thống, đồng thời mở ra những lĩnh vực kinh doanh mới do Công ty làm chủ công nghệ;
- Tiếp tục đổi mới có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phát huy được những thế mạnh của mô hình công ty cổ phần.

Với những kết quả đã đạt được, Công ty Petechim đã bước đầu tạo dựng được những nền tảng cơ bản để có thể trở thành nhà tổng thầu EPC của ngành từ năm 2015 như chiến lược đã đề ra, đặc biệt trong lĩnh vực CNTT và Tự động hóa Dầu khí.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tăng trưởng:

- Năm 2014 Công ty có mức tăng trưởng vượt bậc về doanh thu, đạt 2.155 tỷ, tăng 32% so với năm 2013. Trong đó doanh thu kinh doanh xăng dầu tăng 40,16%, doanh thu cung cấp vật tư, thiết bị tăng 50,8%, doanh thu cung cấp chất phụ gia xăng dầu giảm 61,93% so với cùng kì.
- Quy mô tổng tài sản có phần giảm sút so với năm so với năm 2013. Do thị trường chứng khoán trong nước năm 2014 xuống dốc, giá dầu liên tục giảm từ tháng 5/2014, vì vậy những mã cổ phiếu của các Công ty kinh doanh xăng dầu

vucl

chịu ảnh hưởng đáng kể. Trước tình hình đó Công ty Petechim đã kịp thời rút dần vốn khỏi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nhằm bảo toàn nguồn vốn lưu động. Ngoài ra trong năm 2014 Công ty đã xin chủ trương Tổng công ty dầu và hoàn thành việc thoái vốn khỏi công ty liên kế ADEC sau nhiều năm liền Công ty này kinh doanh không sinh lời.

b) Tình hình thanh khoản:

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đang là 1,23 và được duy trì trên mức 1,0 trong 2 năm liên tiếp. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng ở mức tương tự trong khoảng 0,95 đến 1,23. Điều này cho thấy Công ty có lượng tiền mặt ổn định, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh).

c) Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Các chỉ tiêu số ngày thu tiền bình quân và số ngày tồn kho tăng lên đáng kể so với cùng kì. Cụ thể số ngày phải thu đang ở mức 66 ngày tăng 9 ngày so với năm 2013. Do việc nói lỏng chính sách tín dụng thương mại với các đối tác như Công ty Liên doanh Việt Nga (Vietsovpetro), Công ty PVEP POC.... nhằm củng cố mối quan hệ hợp tác lâu dài với các công ty trên.
- Chỉ tiêu số ngày tồn kho tăng lên 11 ngày so với cùng kì. Nguyên nhân do công nghệ pha chế phụ gia CN 120 của Công ty GEC chưa ổn định về kỹ thuật, nên các hợp đồng cung cấp đơn hàng trên chưa thực hiện được dẫn đến lượng hàng tồn kho trong năm tăng 13,49% so với năm 2013.

d) Khả năng sinh lời:

- Lợi nhuận gộp biên năm 2014 giảm 1,6% so với năm 2013. Do tỷ trọng giá vốn/doanh thu tăng từ 94% lên 95,7% trong năm 2014. Điều này có thể giải thích do một số đơn hàng vật tư, thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài bị chịu tác động bởi biến động tỷ giá USD diễn biến tăng vọt trong năm 2014 dẫn đến chi phí mua hàng tăng.
- Chi phí hoạt động đặc biệt chi phí tài chính và chi phí quản lý năm 2014 tăng cao, khiến ROS giảm mạnh từ 2,2% về 0,9%. Các chỉ tiêu ROA và ROS đồng thời cũng giảm mạnh từ 4,6% về 2% đối với khả năng sinh lợi trên 1 đồng tài sản và từ 13,8% về 7,9% đối với khả năng sinh lợi trên 1 đồng doanh thu.

e) Đòn bẩy tài chính:

Trong năm 2014, Công ty tiếp tục tận dụng lợi thế của đòn bẩy nợ tài chính thông qua các kênh:

- Vay từ ngân hàng 238,41 tỷ, đây là các khoản vay có kỳ hạn ngắn (3 tháng) với mức lãi suất từ 5% – 7%/năm.
- Chiếm dụng vốn từ khách hàng, nâng số ngày trả tiền bình quân từ 119 trong năm 2013 lên 127 ngày trong năm 2014.

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2013	So sánh
Vòng quay khoản phải trả	Lần/Vòng	2,83	3,03	Giảm 0,2 vòng
Số ngày trả tiền bình quân	Ngày	127	119	Tăng 8 ngày

Trần

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 để đạt được các mục tiêu và chính sách chất lượng đã đề ra là: Đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đồng thời triển khai xây dựng, áp dụng và được chứng nhận hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động làm tăng lợi nhuận cho Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các nét chính trong hoạt động SXKD của Công ty Petechim giai đoạn 2015-2016 được dự báo như sau:

a. Hoạt động dịch vụ

Dịch vụ nhập khẩu ủy thác:

Tiếp tục thực hiện các hợp đồng dịch vụ khoan đã ký với Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, đồng thời tìm kiếm các hợp đồng ủy thác mới trong lĩnh vực cung ứng vật tư, thiết bị, công trình dầu khí.

Dịch vụ hậu cần, đại lý hàng hải và cung cấp nhiên liệu:

Tiếp tục triển khai các hoạt động dịch vụ truyền thống gồm:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa cho các nhà thầu dầu khí;
- Dịch vụ đại lý hàng hải cho các tàu dầu thô và tàu khảo sát địa chấn;
- Dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà thầu dầu khí và các nhà điều hành mỏ (JOC/POC).

Ngoài ra, Công ty tiếp tục tìm hiểu thị trường các mặt hàng kinh doanh khác để triển khai kinh doanh khi có cơ hội tốt.

b. Hoạt động thương mại

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung ứng các sản phẩm đặc trưng của Petechim trong giai đoạn vừa qua như:

- Ống thép cho các công trình dầu khí;
- Thiết bị địa vật lý giếng khoan;
- Thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu;
- Hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn;
- Giải pháp và sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong ngành dầu khí.

Tăng cường quan hệ với các khách hàng truyền thống: Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil); Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro; Các nhà điều hành mỏ (JOC); Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP); Nhà máy Lọc dầu Bình Sơn (BRS)...

Bên cạnh đó, Petechim tiếp tục phát triển mối quan hệ và tham gia vào chuỗi cung ứng của các nhà sản xuất và phân phối hàng đầu thế giới đồng thời tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm cung ứng cho thị trường và tìm kiếm khách hàng trong những lĩnh vực và thị trường mới.

c. Hoạt động pha chế xăng dầu

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện công nghệ làm tăng hiệu quả của sản phẩm.
- Tăng cường đẩy mạnh hoạt động cung ứng sản phẩm đặc trưng (CN120) của GEC.
- Tăng cường hợp tác với khách hàng truyền thống là Nhà máy PV Oil Phú Mỹ thực hiện phát triển các hợp đồng mới, đồng thời tìm kiếm phát triển các khách hàng mới như Sài Gòn Petro, Petrolimex và thị trường các nước có nhu cầu pha chế như Lào, Campuchia.

d. Hoạt động Công nghệ thông tin

- Tiếp tục triển khai và mở rộng các mảng CNTT nhằm cung cấp các giải pháp và dịch vụ CNTT cho các khách hàng hiện tại và tương lai.
- Phối hợp hỗ trợ thực hiện hoạt động kinh doanh với Công ty PAIC.
- Cử nhân viên đi học và chuẩn bị thi chứng chỉ quản lý dự án chuẩn quốc tế PMP.
- Lên kế hoạch bổ sung các chứng chỉ cần thiết khác cho công việc:
 - + 02 chứng chỉ CCNP quốc tế.
 - + 02 chứng chỉ Checkpoint quốc tế.
 - + 08 chứng chỉ VMWare.

e. Hoạt động đầu tư, quản lý vốn

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty, quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp bên ngoài.
- Tiếp tục thực hiện thoái vốn theo lộ trình được HĐQT phê duyệt.
- Nghiên cứu các cơ hội đầu tư mới.

f. Công tác tổ chức nhân sự và đào tạo

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa.
- Áp dụng cơ cấu tính lương mới phù hợp với năng lực chuyên môn của từng CBNV.
- Lập và triển khai kế hoạch đào tạo, tự đào tạo để nâng cao nghiệp vụ và các kỹ năng cho người lao động.

g. Công tác đổi mới doanh nghiệp

- Đẩy mạnh việc triển khai dự án “Một PV OIL” cùng khẩu hiệu hành động “PV OIL – Một đội ngũ, một tầm nhìn”.
 - Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- h. Công tác phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ**
- Tiếp tục triển khai định hướng phát triển các ứng dụng CNTT trong ngành.
 - Mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ sang nhiều lĩnh vực khác.
- i. Công tác xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể**
- Phối hợp với Công đoàn Công ty trong việc đảm bảo các quyền lợi của người lao động theo quy định của Luật Lao động.
 - Phối hợp với Đoàn Thanh niên Công ty trong việc phát triển các hoạt động của thanh niên theo quy định của Luật Thanh niên.
 - Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức đoàn thể của Công ty.
 - Khuyến khích CBNV Công ty tham gia vào các công tác xã hội, từ thiện, môi trường...

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Trong năm 2014, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), nhóm cổ đông chiến lược Ngân hàng Phát triển Tp. Hồ Chí Minh (HDBank), các đối tác truyền thống Vietsovpetro, PVEP, PVEP POC, Vietgazprom, CGG, các JOC... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi quan trọng giúp Công ty giữ vững được thị trường truyền thống và nâng cao vị thế trong ngành để phát triển mảng dịch vụ thương mại của mình, tạo nền tảng vững chắc đáp ứng nhu cầu mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty.

Năm 2014 cũng là năm mà Petechim phải đương đầu với những khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành cạnh tranh ngày càng gay gắt, cộng với tác động khách quan của tình hình khủng hoảng quốc tế và chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô trong nước. Trước thực tiễn nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã xác định:

- Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm dầu khí cho các công ty Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các nhà thầu nước ngoài, Dịch vụ cho khâu trước và khâu sau của ngành dầu khí, Đại lý và dịch vụ hàng hải, Dịch vụ hậu cần, Dịch vụ CNTT, Dịch vụ tư vấn, Quản lý dự án ...
- Mở rộng thị trường, khách hàng nhằm tăng thị phần, tăng doanh số và hiệu quả, liên danh đấu thầu;

- Tập trung phát triển mạnh hoạt động nghiên cứu Khoa học công nghệ, đặc biệt các lĩnh vực: công nghệ thông tin, tự động hóa và công nghệ pha trộn các sản phẩm dầu khí;
- Đẩy nhanh tốc độ thực hiện các dự án đầu tư;
- Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được nhanh chóng triển khai và thực hiện tốt, mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty;
- Thực hiện tốt qui chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Với sự quyết tâm cao, tinh thần đoàn kết giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV trong công ty, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tập đoàn và Tổng công ty Dầu Việt Nam, sự ủng hộ mạnh mẽ của các cổ đông lớn, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, ổn định để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 giao cho. Thành quả này được chứng minh bằng các chỉ tiêu tài chính hợp nhất cơ bản mà Công ty và nhóm Công ty đã đạt được như sau:

- Giá trị tổng tài sản đạt trên 977.84 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác đạt hơn 2.188,8 tỷ đồng, vượt trên 118% so với kế hoạch ĐHCĐ giao;
- Nộp ngân sách Nhà nước trên 76,83 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp đạt trên 25,75 tỷ đồng, đạt 54% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt trên 20,33 tỷ đồng đạt 55% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao;
- Lãi thuộc về các cổ đông của công mẹ đạt trên 19,45 tỷ đồng;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 973 đ/CP;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 8%;
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu: 7,59%
- Lương bình quân của người lao động: 12.000.000 đồng/ tháng

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, bổ sung sửa đổi lần 5, ngày 15/08/2013;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, ban hành ngày 26/04/2013.

HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Trong năm 2014, Ban điều hành của Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ các quy định của Công ty. Ban điều hành cũng đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT theo đúng trình tự và thống nhất trong tổ chức thi hành Nghị quyết/ Quyết định.

Tổng giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều lệ của Công ty và của HĐQT quy định. Các cán bộ quản lý, các Phòng/ Ban thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ được giao với năng suất hiệu quả cao. Cụ thể như sau:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã phối hợp tốt tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty vào ngày 04/04/2014 tại trụ sở chính của Công ty.
- Tổng giám đốc Công ty đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
- Tổng giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt việc sử dụng các hạn mức tín dụng giao dịch của Công ty tại các Ngân hàng HDBank, PVcomBank – CN Tp. HCM, OceanBank – CN Tp. HCM, VIB – CN Tp. HCM, Vietcombank – CN Vũng Tàu nhằm phục vụ các hoạt động SXKD trong năm 2014 của Công ty.
- Thực hiện Nghị quyết của HĐQT, Tổng giám đốc đang thực hiện lộ trình thoái vốn ra khỏi các doanh nghiệp Petechim không nắm cổ phần chi phối gồm: Công ty CP Hậu cần Dầu khí, Công ty Cổ phần xây dựng trang trí kiến trúc ADEC, PV Oil Sài Gòn, PV Oil Phú Mỹ, PV Oil Miền Trung theo đúng các quy định hiện hành. Ngày 16/10/2014, các thủ tục thoái vốn khỏi Công ty ADEC đã được hoàn tất.
- Tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban liên quan hoàn tất các thủ tục tái cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Công ty do DNV cấp chứng chỉ có giá trị đến ngày 14/08/2017.
- Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ Thường niên năm 2014, Tổng giám đốc đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông của Công ty từ ngày 05/05/2014. Đến thời điểm báo cáo, 93% cổ tức năm 2013 đã được chi trả cho các cổ đông.
- Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ Thường niên năm 2014.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

➤ Mục tiêu chiến lược:

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu quản lý, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin về các hoạt động của Công ty, làm cơ sở để cổ đông giám sát hoạt động của Công ty.
- Hoàn thiện cơ chế và quản lý tốt việc thực hiện các quy định, quy trình về quản lý phần vốn góp tại các dự án/ doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động đầu tư của Công ty.
- Đảm bảo nguồn tài chính phù hợp với lộ trình phát triển của Công ty.
- Có chính sách dự phòng rủi ro tài chính nhằm ứng phó với các nguy cơ rủi ro trong giai đoạn 2011-2015.
- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho lộ trình phát triển của Công ty.

- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, khách hàng tiềm năng để tranh thủ tiềm năng và thế mạnh của các dự án đầu tư trọng điểm.
- Tăng cường hoạt động quảng bá, quan hệ công chúng để tìm kiếm các cơ hội đưa các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật cao, thân thiện với môi trường vào triển khai ứng dụng thực tiễn.
- Đưa cổ phiếu của Petechim lên sàn giao dịch chứng khoán vào thời điểm thích hợp nhằm nâng cao vị thế của Petechim và thu hút vốn đầu tư từ kênh chứng khoán.

Đây là những công tác trọng tâm nhằm tiếp tục giữ vững và nâng cao vị thế cạnh tranh của Petechim trong giai đoạn phát triển và hội nhập.

➤ **Kế hoạch hoạt động:**

a. **Hoạt động kinh doanh**

Bên cạnh việc tiếp tục các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện trong năm 2014, Công ty Petechim sẽ triển khai thực hiện những công việc sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung ứng các sản phẩm đặc trưng của Petechim trong giai đoạn vừa qua như: ống thép cho các công trình dầu khí, thiết bị địa vật lý giếng khoan, thiết bị cho phòng thí nghiệm, thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu, hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn, giải pháp và sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong ngành dầu khí.
- Tăng cường mối quan hệ khách hàng truyền thống (Vietsovpetro, PV Oil, PVEP, PVEP POC, Nhà máy lọc dầu Bình Sơn, Vietgazprom, CGGVeritas, các nhà điều hành mỏ JOC...), tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường, khách hàng tiềm năng, các nhà sản xuất và phân phối hàng đầu thế giới, nhất là các công ty dầu khí Nga tại Việt Nam như Zarubezhneft, Lukoil, Rosneft, Vietgazprom ... nhằm tăng thị phần, tăng doanh số và hiệu quả liên danh đầu thầu, tiến đến ký kết các hợp đồng hợp tác chiến lược/ đại lý độc quyền, tạo đà phát triển ổn định và bền vững cho Công ty.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác CNTT trong và ngoài ngành, trong và ngoài nước trong việc cung cấp các giải pháp, phần mềm, hệ thống và hạ tầng phần cứng cho các doanh nghiệp trong ngành nhằm hoàn thành mục tiêu trở thành tổng thầu EPC của ngành Dầu khí vào năm 2015 trong lĩnh vực dịch vụ công nghệ chất lượng cao.
- Tiếp tục nhận sự hỗ trợ của các cổ đông lớn của Công ty như PV Oil, Sovico Holdings/ HDBank/ Vietjet Air trong các hoạt động cung cấp các loại hình dịch vụ và thương mại liên quan.
- Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức các cuộc họp HĐQT để chỉ đạo kịp thời các mặt hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động kinh doanh để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót và tồn tại.
- Đứng trước dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2015 với nhiều khó khăn như: thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt, giá dầu thô sụt giảm ảnh hưởng đến doanh thu của các nhà thầu dầu khí, các khoản

đầu tư của các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước nhiều khả năng sẽ bị hạn chế hoặc cắt giảm nhiều, chủ trương cắt giảm chi phí đầu tư, chi phí quản lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các đơn vị trong ngành lên đến 30%, HĐQT đã xem xét và thống nhất xây dựng các chỉ tiêu kinh tế dự kiến cơ bản của Công ty Petechim năm 2015 như sau:

Riêng Công ty Petechim

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015 dự kiến
1	Doanh thu	1.700.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	1.624.000.000.000
3	Tổng quỹ lương	36.000.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	40.000.000.000
5	Thuế TNDN (22%)	8.800.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.200.000.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	12%
8	Nộp ngân sách Nhà nước	76.837.858.436
9	Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động	12.000.000
10	Chi phí quản lý	Giảm 10% so với năm 2014

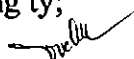
Hợp nhất Công ty con

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015 dự kiến
1	Tổng doanh thu	1.750.000.000.000
2	Tổng chi phí	1.708.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	42.000.000.000
4	Thuế TNDN (22%)	9.240.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	32.760.000.000
6	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	32.208.000.000

b. Hoạt động đầu tư

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty;



- Quản lý tốt công tác kinh doanh của Công ty, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tối đa hóa lợi nhuận của nguồn vốn;
- Quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp/ dự án và có phương án thoái vốn an toàn trong trường hợp cần thiết;
- Tiếp quản và phát triển các hoạt động SXKD tại Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các cơ hội đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước, đặc biệt tham gia cổ phần phát triển mở của PVN, PVEP;
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác quản lý đầu tư nhằm quản lý các danh mục đầu tư hiệu quả và đáp ứng được các mục tiêu của Công ty đề ra khi tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án/ doanh nghiệp.

c. Công tác cổ phần, cổ phiếu:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2014:
 - Hình thức chi trả cổ tức: tiền mặt và chuyển khoản
 - Đơn vị thực hiện chi trả: Công ty Petechim
 - Danh sách cổ đông nhận cổ tức: chốt tại ngày 06/03/2015
 - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 8.00%
 - Tổng số tiền chi trả cổ tức: 16.000.000.000 đồng
 - Thời gian trả cổ tức: Từ 05/05/2015
- Đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2015 dự kiến: 12%

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Số lượng: 06 thành viên

Nhiệm kỳ: 2011 – 2015

Sơ yếu lý lịch:

1 Ông Hoàng Dương – Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 19 – 08 – 1960

Số CMND: 022010865 cấp ngày 15 – 10 – 2004 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Khoa học – Chuyên ngành đường ống bể chứa dầu

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15.11%

Thời giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 01

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

2 Ông Nguyễn Thanh Hùng - Phó Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 15 – 04 – 1967

Handwritten signature

Số CMND: 023289366 cấp ngày 18 – 02 – 2008 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Tiến sĩ Khoa học

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5.50%

Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

3 Ông **Trần Văn Mạnh** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 05 – 03 – 1965

Số CMND: 025141600 cấp ngày 10 – 08 – 2009 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10.06%

Thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 01

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương mại Năng Lượng Xanh

4 Ông **Đình Việt Phương** – Thành viên HĐQT

Sinh ngày: 19 – 02 – 1969

CMND: 011783446, cấp ngày 13 – 08 – 2012, Nơi cấp: CA Hà Nội

Trình độ: Tiến sĩ Kỹ thuật khai thác đường thủy

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SOVICO

Phó Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An

Phó Tổng giám đốc Công ty CP Hàng không VietJet

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 24.69%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 01

+ Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Á.

5 Ông **Trần Hoài Nam** – Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 14/08/1965.

CMND: 011007798 ngày cấp: 10/08/2006 nơi cấp: CA Hà Nội

Trình độ: Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5.50%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

6 Ông **Nguyễn Lê Minh** – Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 13/09/1958

CMND: 023798937 ngày cấp: 25/07/2013 nơi cấp: CA Tp. HCM

Trình độ: Tiến sĩ Máy móc và Thiết bị khoan, khai thác Dầu khí

Chức vụ hiện tại: Chánh Văn phòng Đảng ủy Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT theo đúng các trình tự của Điều lệ quy định nhằm cụ thể hóa các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, bám sát tiến trình hoạt động SXKD và tình hình thực tế của Công ty.

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2014 (Chi tiết xin xem Phụ lục 002 đính kèm Báo cáo này).

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ và tên	Chương trình đào tạo	Thời gian/ Địa điểm đào tạo	Nơi cấp chứng chỉ
1	Hoàng Dương – Chủ tịch HĐQT	Bồi dưỡng kiến thức kỹ năng lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp	Từ 04/05 đến 13/06/2009 tại Vũng Tàu	Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị của Bộ Xây dựng
2	Trần Văn Mạnh - Thành viên HĐQT kiêm TGD	Chương trình phát triển nghề nghiệp	12/05/2007	John Robert Powers
		Quản lý rủi ro tín dụng	26/06 đến 28/06/2008	Small and Medium sized enterprises development fund (SMEDF)
		Kế toán dành cho Lãnh đạo doanh nghiệp	11/06/2011	CLB Giám đốc Tài chính Việt Nam và Công ty CFO Capital đồng tổ chức

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số lượng: 03 thành viên

Nhiệm kỳ: 2011 – 2015

Sơ yếu lý lịch:

1. Ông Nguyễn Quang Trung – Trưởng Ban kiểm soát

Sinh ngày: 14 – 09 – 1972

Số CMND: 022965741 cấp ngày 13 – 02 – 2014 tại Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ: Thạc sĩ Tài chính và Kinh doanh tiền tệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 14.90%

2. Ông Huỳnh Minh Triết - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 10 – 03 – 1962

Số CMND: 023081339 cấp ngày 06 – 05 – 2010 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Quản lý tài chính công

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

3. Bà Huỳnh Mai - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 03 – 04 – 1982

Số CMND: 023474283 cấp ngày 14 – 06 – 2001 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong năm 2014, BKS đã thực hiện các công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát hàng quý tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 và việc tuân thủ Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ công ty.
- Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty.
- Thẩm định các báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn...

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban kiểm soát

STT	Ngày họp	Nội dung thông qua	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1	16/3/2014	Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho Petechim, xem xét Báo cáo tài chính năm 2013 và báo cáo hoạt động Ban kiểm soát 2013	Đề nghị HĐQT chọn Deloitte là công ty kiểm toán cho Petechim và góp ý, thống nhất báo cáo hoạt động Ban kiểm soát 2013	Biên bản họp số 01-2014/BBH-BKS ngày 16/3/2014
2	04/5/2014	Xem xét kết quả kinh doanh Quý 1-2014 và đề xuất các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành	Thống nhất báo cáo Ban kiểm soát Quý 1-2014	Biên bản họp số 02-2014/BBH-BKS ngày 04/5/2014
3	19/5/2014	Họp với Ban điều hành công ty rà soát các vấn đề tồn đọng liên quan đến Công ty TNHH Hưng Yên.	Hai bên thống nhất tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi nợ tồn đọng trong năm 2014.	Biên bản họp số 03/BB-TMDK-BKS ngày 19/5/2014
4	25/8/2014	Xem xét kết quả kinh doanh sáu tháng đầu năm 2014 và đề xuất các kiến nghị cho HĐQT và Ban	Thống nhất báo cáo Ban kiểm soát sáu tháng đầu năm 2014	Biên bản họp số 04-2014/BBH-BKS ngày 25/8/2014

		điều hành		
5	25/10/2014	Xem xét kết quả kinh doanh Quý 3-2014 và đề xuất các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành	Thông nhất báo cáo Ban kiểm soát Quý 3-2014	Biên bản họp số 05-2014/BBH-BKS ngày 25/10/2014
6	22/1/2015	Xem xét kết quả kinh doanh Quý 4-2014 và đề xuất các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành	Thông nhất báo cáo Ban kiểm soát Quý 4-2014	Biên bản họp số 06-2014/BBH-BKS ngày 22/1/2015

2. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

- Ban kiểm soát đánh giá cao HĐQT và Ban điều hành Công ty đã có các giải pháp kinh doanh và quản lý hiệu quả để hoàn thành chỉ tiêu doanh thu trong năm 2014, giữ vững được thị trường truyền thống, đồng thời mở ra những lĩnh vực kinh doanh mới, tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng 05 năm liên tiếp...
- Tuy nhiên, trong quá trình rà soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Petechim, BKS nhận thấy có một số vấn đề tồn đọng cần được xem xét và xử lý sớm, cụ thể như sau:
 - Quản lý tốt chi phí, công nợ và hàng tồn kho để tăng lợi nhuận cho công ty;
 - Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và nhanh chóng thoái vốn khỏi các công ty góp vốn không nắm cổ phần chi phối như PV Oil Phú Mỹ và Công ty CP Hậu cần dầu khí do kết quả kinh doanh không khả quan;
 - Việc thu hồi vốn tạm ứng kinh doanh cả phê cho Công ty TNHH Hưng Yên còn tồn đọng 10,14 tỷ đồng và nợ quá hạn của Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Tradoco) còn nợ 8,73 tỷ đồng cần được giám sát và có các biện pháp quyết liệt để thu hồi vốn, tránh thiệt hại cho công ty.

3. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc và cổ đông

Nhìn chung năm 2014, BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, BKS đã tiến hành kiểm tra, rà soát một số hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và thường xuyên báo cáo cũng như có một số kiến nghị góp ý cho HĐQT và Ban điều hành công ty.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Ban kiểm soát:

- Hợp Ban kiểm soát ít nhất 4 lần/năm;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo công ty;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

5. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

- HĐQT và Ban điều hành trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, đồng thời chú trọng quản trị hoạt động đầu tư để quản lý hiệu quả nguồn vốn, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh và giảm thiểu rủi ro, mất vốn.
- HĐQT và Ban điều hành cần giám sát chặt chẽ và có các phương án cụ thể thu hồi công nợ tại công ty TNHH Hưng Yên và công ty Tradoco, đồng thời cần rà soát các đối tác kinh doanh, các khoản công nợ quá hạn để tránh trường hợp nợ khó đòi
- Đề xuất lập nhóm/cá nhân chịu trách nhiệm kiểm soát nội bộ (KSNB). Nhóm KSNB hoạt động dưới sự quản lý của Ban điều hành, đồng thời cũng hỗ trợ thông tin cho BKS nếu có yêu cầu.
- Kiến nghị HĐQT xem xét và sớm sửa đổi một số quy định còn chưa phù hợp trong Quy chế tài chính và Điều lệ công ty về quy trình và hạn mức phê duyệt của Tổng giám đốc.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thống nhất mức trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2014 với tổng số tiền là 324.000.000 đồng.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: Các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty, Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xin xem “Báo cáo tài chính riêng năm 2014” và “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014” của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, NXTC – 03b

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2014;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



Handwritten mark

PHỤ LỤC SỐ 001

(Đính kèm Báo cáo số/BC-TMDK, ngày)

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI NĂNG LƯỢNG XANH (GEC) (Địa chỉ: Ô1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã BR-VT)	Mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ; Sản xuất, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm năng lượng thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp.	9,526,687,800	51%
2	Công ty liên kết	CÔNG TY CP HẠ CẠN DẦU KHÍ (PVLSC) (Địa chỉ: Khu Trung tâm DV Công Cộng, Khu Kinh tế Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa)	Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú (bao gồm cả khách sạn, biệt thự, nhà trọ); Kinh doanh dịch vụ ăn uống: nhà hàng, quầy bar, phục vụ suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ điện tử, tin học, dịch vụ internet. Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm định máy móc, thiết bị công nghiệp, dầu khí, xăng dầu; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy; Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất, hóa phẩm ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp; Mua bán trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ môi trường; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Dịch vụ đại lý tàu biển, vận tải đường biển; Vận tải hành khách đường bộ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Cho thuê ô tô; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ khác liên quan đến vận tải; Tư vấn đầu thầu, quản lý dự án; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các	2,900,000,000	25%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
3	Công ty liên kết	CÔNG TY CP XĂNG DẦU ĐÀU KHÍ SÀI GÒN (PV Oil Sài Gòn) (Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)	<p>công trình khác; Dịch vụ vệ sinh giặt là; Các dịch vụ phục vụ cá nhân khác; Dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Cung ứng dịch vụ và các sở sở luyện tập thể dục thể thao; Nhà thuốc, phòng khám, cơ sở y tế.</p> <p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả.</p>	11,000,000,000	5.50%
4	Công ty liên kết	CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PV Oil Phú Mỹ) (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT)	<p>Bán buôn / bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanoil fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị,</p>	10,000,000,000	2.00%

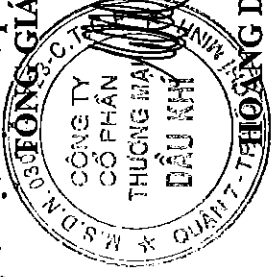
2

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
5	Công ty liên kết	CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (PV Oil Miền Trung) (Địa chỉ: 92-94, Lê Trung Đình, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi)	<p>hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ.</p> <p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan [Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất cảm)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn).</p>	3.000.000.000	3.50%
6	Công ty liên kết	CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ (PAIC) (Tầng 10, Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, số 173 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	<p>Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyên giao công nghệ thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn thiết kế công trình).</p>	18.360.000.000	43.35%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			<p>Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thăm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa; cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu. Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa. Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống CNTT và viễn thông. Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử. Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và các dịch vụ phần mềm. Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty.</p>		

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

TRẦN THỊ HOANG DƯƠNG



PHỤ LỤC SỐ 002

(Đính kèm Báo cáo số/BC-TMDK, ngày

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
1	Quyết định số 21B/QĐ-TMDK ngày 01/03/2014	Chấp thuận việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Ông Nguyễn Tấn Lực – Phó TGD kiêm Chánh Văn phòng Công ty Petechim.	Đã thực hiện.
2	Quyết định số 55/QĐ-TMDK ngày 03/04/2014	Cử người đại diện phân vốn của Petechim tại PAIC và các nhân sự bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Phó giám đốc tại PAIC.	ĐHĐCĐ thường niên Năm 2014 của PAIC đã bầu: Ông Hoàng Dương – Người đại diện phân vốn của Petechim tại PAIC giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT PAIC; Ông Nguyễn Quang Trung - Người đại diện phân vốn của Petechim tại PAIC giữ chức vụ Thành viên HĐQT PAIC; Bà Nguyễn Ngọc Anh – Kế toán trưởng Petechim giữ chức vụ Thành viên BKS PAIC; Ông Bùi Đình Trung - Người đại diện phân vốn của Petechim tại PAIC giữ chức vụ Phó Giám đốc PAIC kiêm Giám đốc PAIC Tp. HCM.
3	Quyết định số 27/QĐ-TMDK ngày 12/03/2014	Phê duyệt việc bổ nhiệm ông Bùi Đình Trung giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim	Đã thực hiện.
4	Quyết định số 27B/QĐ-TMDK ngày 12/03/2014	Tăng lương cơ bản đối với ông Bùi Đình Trung lên mức 11.000.000 đồng/tháng (hạng 1/7 – mức lương Phó TGD)	Đã thực hiện.

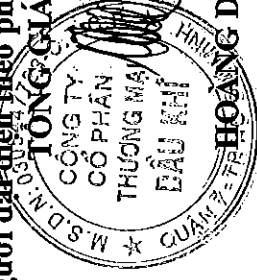
STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
5	Quyết định số 33/QĐ-TMDK ngày 17/03/2014	Cử ông Trần Văn Mạnh – Tổng giám đốc đi công tác tại Malaysia từ ngày 25/03/2014 đến 28/03/2014	Đã thực hiện.
6	Quyết định số 80/QĐ-TMDK ngày 07/04/2014	Cử ông Trần Văn Mạnh – Tổng giám đốc đi công tác tại Trung Quốc từ ngày 09/04/2014 đến 13/04/2014	Đã thực hiện.
7	Quyết định số 81/QĐ-TMDK ngày 07/04/2014	Cử ông Trần Văn Mạnh – Tổng giám đốc đi công tác tại Hàn Quốc từ ngày 18/04/2014 đến 24/04/2014	Đã thực hiện.
8	Quyết định số 88/QĐ-TMDK ngày 10/04/2014	Tăng lương cơ bản cho ông Đặng Hùng Tuấn – Phó TGD lên bậc 3/7 – Phó TGD.	Đã thực hiện.
9	Quyết định số 89/QĐ-TMDK ngày 10/04/2014	Tăng lương cơ bản cho ông Trần Mạnh Hùng – Phó TGD lên bậc 3/7 – Phó TGD.	Đã thực hiện.
10	Quyết định số 90/QĐ-TMDK ngày 10/04/2014	Tăng lương cơ bản cho ông Lê Thành Đức – Phó TGD lên bậc 3/7 – Phó TGD.	Đã thực hiện.
11	Quyết định số 91/QĐ-TMDK	Tăng lương cơ bản cho bà Nguyễn Ngọc Anh – Kế toán trưởng lên bậc 3/7 – KTT.	Đã thực hiện.
12	Nghị quyết số 115B/NQ-TMDK ngày 14/05/2014	Phê duyệt việc tái cấp hạn mức tín dụng và nâng hạn mức tín dụng giao dịch 650.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh (HDBank) phục vụ hoạt động SXKD năm 2014 của Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim.	Đã thực hiện.
13	Nghị quyết số 130/NQ-TMDK ngày 03/06/2014	Phê duyệt về việc xin cấp hạn mức tín dụng giao dịch 200.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – CN Tp. Hồ Chí Minh (PVcomBank) phục vụ hoạt động SXKD năm 2014 của Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim.	Đã thực hiện.
14	Nghị quyết số 128/NQ-TMDK ngày 03/06/2014	Phê duyệt về việc xin cấp hạn mức tín dụng giao dịch 100.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Đại Dương – CN Tp. Hồ Chí Minh (OceanBank) phục vụ hoạt động	Đã thực hiện.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
		SXKD năm 2014 của Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim.	
15	Nghị quyết số 129/NQ-TMDK ngày 03/06/2014	Phê duyệt về việc xin cấp hạn mức tín dụng giao dịch 150.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Quốc tế – CN Tp. Hồ Chí Minh (VIB) phục vụ hoạt động SXKD năm 2014 của Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim.	Đã thực hiện.
16	Nghị quyết số 130B/NQ-TMDK ngày 04/06/2014	Thoái vốn khỏi các công ty PV Oil Phú Mỹ, PV Oil Sài Gòn, PV Oil Miền Trung trong thời gian sớm nhất.	Petechim sẽ tiến hành thoái vốn tại các công ty con của PV Oil theo lộ trình thoái vốn, tái cơ cấu của PV Oil.
17	Nghị quyết số 130C/NQ-TMDK ngày 04/06/2014	Thoái vốn khỏi Công ty CP Xây dựng Trang trí Kiến trúc ADEC trước ngày 30/06/2014.	Đã thực hiện.
18	Quyết định số 153/NQ-TMDK ngày 03/07/2014	Chấp thuận việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đặng Hùng Tuấn – Phó TGD kể từ ngày 01/07/2014.	Đã thực hiện.
19	Nghị quyết số 165B/NQ-TMDK ngày 10/07/2014	Ký hợp đồng thuê dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện dịch vụ kiểm toán năm 2014 của Công ty.	Đã thực hiện.
20	Quyết định số 181/QĐ-TMDK ngày 04/08/2014	Cử ông Trần Văn Mạnh – Tổng giám đốc Công ty đi công tác tại Đức từ ngày 20/08/2014 đến ngày 01/09/2014.	Đã thực hiện.
21	Quyết định số 182/QĐ-TMDK ngày 04/08/2014	Phê duyệt việc mua mới 01 chiếc xe ô tô loại 7 chỗ hiệu Toyota Innova E sản xuất năm 2014 để phục vụ các hoạt động SXKD của Công ty với tổng chi phí dự kiến là 788.500.000 đ.	Đã thực hiện.
22	Quyết định số 216B/QĐ-TMDK ngày 24/09/2014	Cử ông Trần Văn Mạnh – Tổng giám đốc Công ty đi công tác tại Malaysia từ ngày 25/9/2014 đến ngày	Đã thực hiện.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
		28/09/2014.	
23	Nghị quyết số 219/NQ-TMDK ngày 30/9/2014	Chấp thuận việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần ADEC với số lượng chào bán là 1.000.000 cổ phần và giá chào bán là 17.000 đ/ cổ phần.	Petechim đã hoàn tất thủ tục thoái vốn tại ADEC vào ngày 16/10/2014.
24	Nghị quyết số 235B/NQ-TMDK ngày 10/11/2014	Chấp thuận chủ trương áp dụng phương án xử lý 1 phần khoản nợ quá hạn của Công ty CP Thương mại và Đại lý Dầu tinh Bà Rịa – Vũng Tàu (Tradoco)	Petechim đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng sở hữu 02 căn biệt thự của Tradoco vào tài sản của Petechim. Hiện tại Tradoco còn nợ Petechim 8,7 tỷ VNĐ.
25	Quyết định số 241C/QĐ-TMDK ngày 01/12/2014	Cử ông Trần Văn Mạnh – Tổng giám đốc Công ty đi công tác tại Singapore từ ngày 02/12/2014 đến ngày 03/12/2014.	Đã thực hiện.
26	Nghị quyết số 248B/NQ-TMDK ngày 22/12/2014	Phê duyệt về việc xin cấp hạn mức tín dụng giao dịch 100.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Đại Dương – PGD Phú Mỹ Hưng, Tp.HCM phục vụ hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty.	Đã thực hiện.
27	Nghị quyết số 248C/NQ-TMDK ngày 22/12/2014	Phê duyệt về việc xin cấp hạn mức tín dụng giao dịch 60.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng Vietcombank – CN Vũng Tàu phục vụ hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty.	Đã thực hiện.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó chủ tịch
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Đinh Việt Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014)
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 09 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Thanh Phương

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2061-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		816.467.062.890	868.688.707.977
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	151.469.646.564	485.732.235.539
1. Tiền	111		118.469.646.564	46.123.081.727
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	439.609.153.812
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.954.163.811	30.861.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.151.859.811	31.611.361.184
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.197.696.000)	(749.861.184)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		525.240.410.225	339.270.726.869
1. Phải thu khách hàng	131		341.190.290.000	183.386.984.530
2. Trả trước cho người bán	132		145.479.664.570	150.055.088.593
3. Các khoản phải thu khác	135	7	42.861.538.952	5.828.653.746
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	139		(4.291.083.297)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	120.189.752.109	12.132.370.078
1. Hàng tồn kho	141		120.189.752.109	12.132.370.078
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.613.090.181	691.875.491
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		173.074.652	59.055.224
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.524.755.399	632.820.267
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.915.260.130	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		143.853.352.709	131.840.964.681
I. Tài sản cố định	220		90.139.460.476	60.940.454.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	53.514.085.501	58.951.299.233
- Nguyên giá	222		66.009.735.813	65.668.779.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.495.650.312)	(6.717.480.670)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.979.144.975	1.989.155.387
- Nguyên giá	228		2.154.472.660	2.154.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(175.327.685)	(165.317.273)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	34.646.230.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		52.584.525.681	69.086.687.800
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	9.526.687.800	9.526.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	20.860.000.000	20.860.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	24.000.000.000	41.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.802.162.119)	(2.300.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.129.366.552	1.813.822.261
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.116.366.552	1.800.822.261
2. Tài sản dài hạn khác	268		13.000.000	13.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		960.320.415.599	1.000.529.672.658

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		708.816.222.078		746.677.114.104	
I. Nợ ngắn hạn	310		664.374.023.878		700.302.657.004	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	238.413.196.160		382.103.174.212	
2. Phải trả người bán	312		388.268.836.079		243.705.281.453	
3. Người mua trả tiền trước	313		1.971.541.190		3.159.143.737	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	3.277.749.660		1.333.086.127	
5. Phải trả người lao động	315		495.919.769		3.575.441.929	
6. Chi phí phải trả	316	17	17.516.675.161		36.055.266.544	
7. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	12.440.259.664		25.650.462.289	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.989.846.195		4.720.800.713	
II. Nợ dài hạn	330		44.442.198.200		46.374.457.100	
1. Phải trả dài hạn người bán	331	19	44.441.954.700		46.374.213.600	
2. Phải trả dài hạn khác	333		243.500		243.500	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		251.504.193.521		253.852.558.554	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	251.504.193.521		253.852.558.554	
1. Vốn cổ phần	411		200.000.000.000		200.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.431.515.240		25.360.095.774	
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.640.481.423		6.606.162.990	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.432.196.858		21.886.299.790	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		960.320.415.599		1.000.529.672.658	
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị		31/12/2014		31/12/2013	
Ngoại tệ các loại:						
- Đô la Mỹ	USD		58.205		547.278	
- Euro	EUR		3.230		404	



Phạm Thị Hồng Yên
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng




Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014		2013	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.197.227.979.734		1.567.054.386.585	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-		15.067.475.072	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.197.227.979.734		1.551.986.911.513	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	2.106.814.158.479		1.466.976.844.145	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		90.413.821.255		85.010.067.368	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	34.056.956.503		24.489.302.772	
7. Chi phí tài chính	22	25	36.636.013.835		18.586.017.327	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.432.015.998		11.513.470.667	
8. Chi phí bán hàng	24		29.383.743.739		28.080.120.618	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.725.572.677		25.815.897.297	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		25.725.447.507		37.017.334.898	
11. Thu nhập khác	31		2.371.345.483		667.715.364	
12. Chi phí khác	32		2.481.877.361		676.655.320	
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(110.531.878)		(8.939.956)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.614.915.629		37.008.394.942	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	4.894.643.798		8.581.718.065	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		<u>20.720.271.831</u>		<u>28.426.676.877</u>	



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Mạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.614.915.629	37.008.394.942
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.233.548.537	3.419.804.456
- Các khoản dự phòng	03	5.241.080.232	749.861.184
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	61.942.093	358.966.836
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(32.170.144.787)	(23.024.066.178)
- Chi phí lãi vay	06	27.432.015.998	11.513.470.667
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.413.357.702	30.026.431.907
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(206.947.273.386)	(138.346.478.785)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(108.057.382.031)	30.441.330.660
- Thay đổi các khoản phải trả	11	125.159.359.039	158.287.223.824
- Thay đổi chi phí trả trước	12	570.436.281	139.570.542
- Tiền lãi vay đã trả	13	(28.328.032.554)	(10.293.593.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.002.994.030)	(9.258.946.480)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.799.591.382)	(2.535.892.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(197.992.120.361)	58.459.645.868
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(33.763.866.955)	(9.337.706.862)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	337.272.727	-
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(1.068.264.971.774)	(50.671.072.000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	1.093.724.473.147	29.895.356.816
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.360.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.000.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	33.799.805.374	22.596.312.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.472.712.519	(7.517.109.564)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.825.373.775.294	964.172.013.043
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.969.063.753.346)	(661.959.658.157)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(17.058.153.900)	(19.514.775.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(160.748.131.952)	282.697.579.886
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(334.267.539.794)	333.640.116.190
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	485.732.235.539	152.130.111.713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.950.819	(37.992.364)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	151.469.646.564	485.732.235.539

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả không bao gồm 480.990.834 đồng (năm 2013: 1.377.007.390 đồng), là chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định không bao gồm 1.732.311.500 đồng (năm 2013: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm 10.802.674.150 đồng (năm 2013: 6.860.828.050 đồng), là số cổ tức được công bố mà chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Yến
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2015

3-002
IÁNH
TY
HỮU H
TTE
AM
Ồ CHỈ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 3 năm 2013. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 143 người (31 tháng 12 năm 2013: 142 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các ước tính chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	50
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

11250
:HI NI
CÔNG
HÀNH
ELO
/IET I
- TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con, công ty liên kết và công ty mà Công ty đầu tư dài hạn khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	638.074.327	643.401.509
Tiền gửi ngân hàng	117.831.572.237	45.479.680.218
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	439.609.153.812
	<u>151.469.646.564</u>	<u>485.732.235.539</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có thời hạn dưới ba tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất, hưởng lãi suất 1% một năm (31 tháng 12 năm 2013: 6% đến 7% một năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.151.859.811	11.611.361.184
Đầu tư ngắn hạn khác	-	20.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.197.696.000)	(749.861.184)
	<u>3.954.163.811</u>	<u>30.861.500.000</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.583.333	1.907.892.585
Phải thu Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.757.282.260	-
Phải thu khác	34.099.673.359	3.920.761.161
	<u>42.861.538.952</u>	<u>5.828.653.746</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍTòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, cụ thể như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	11.390.811.580	6.313.372.881
Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	14.841.145.000	2.228.627.596
Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Vietsopetro	6.853.959.600	1.059.347.005
Hợp đồng cung cấp ống casing cho Công ty TNHH	75.264.582.377	-
Hợp đồng cung cấp ống casing cho Talisman	6.430.000.000	-
Các hợp đồng khác	5.409.253.552	2.531.022.596
	<u>120.189.752.109</u>	<u>12.132.370.078</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tài sản khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	46.621.913.606	6.115.934.104	12.875.017.445	55.914.748	65.668.779.903
Tăng trong năm	-	706.345.455	143.603.000	-	849.948.455
Thanh lý	-	(508.992.545)	-	-	(508.992.545)
Tại ngày 31/12/2014	<u>46.621.913.606</u>	<u>6.313.287.014</u>	<u>13.018.620.445</u>	<u>55.914.748</u>	<u>66.009.735.813</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	1.665.916.791	2.209.152.920	2.786.496.211	55.914.748	6.717.480.670
Khấu hao trong năm	1.338.119.848	965.490.439	3.919.927.838	-	6.223.538.125
Thanh lý	-	(445.368.483)	-	-	(445.368.483)
Tại ngày 31/12/2014	<u>3.004.036.639</u>	<u>2.729.274.876</u>	<u>6.706.424.049</u>	<u>55.914.748</u>	<u>12.495.650.312</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>43.617.876.967</u>	<u>3.584.012.138</u>	<u>6.312.196.396</u>	<u>-</u>	<u>53.514.085.501</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>44.955.996.815</u>	<u>3.906.781.184</u>	<u>10.088.521.234</u>	<u>-</u>	<u>58.951.299.233</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.866.765.760 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 635.992.674 đồng).

11250
CÔNG
ELOI
- TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>2.000.000.000</u>	<u>154.472.660</u>	<u>2.154.472.660</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	10.844.613	154.472.660	165.317.273
Khấu hao trong năm	<u>10.010.412</u>	-	<u>10.010.412</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>20.855.025</u>	<u>154.472.660</u>	<u>175.327.685</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.979.144.975</u>	-	<u>1.979.144.975</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.989.155.387</u>	-	<u>1.989.155.387</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 154.472.650 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 154.472.650 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là giá trị hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu Dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh Công ty mua từ Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long nhưng chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00	51,00	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết khác tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	<u>18.360.000.000</u>	<u>18.360.000.000</u>
	<u>20.860.000.000</u>	<u>20.860.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU B 09-DN

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Tỉnh Thanh Hóa	25	25	Dịch vụ hậu cần dầu khí
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Quận Đống Đa, Hà Nội	43,35	43,35	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Trang trí Kiến trúc ADC	-	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>24.000.000.000</u>	<u>41.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,0	2,0	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	86.000.000.000	346.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	119.807.672.760	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	32.605.523.400	10.315.328.940
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	25.787.845.272
	<u>238.413.196.160</u>	<u>382.103.174.212</u>

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương với hạn mức tối đa là 650.000.000.000 đồng và được giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bằng Đồng Việt Nam, có thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay là 6% một năm (31 tháng 12 năm 2013: 6,5% đến 7% một năm).

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương với hạn mức tối đa là 150.000.000.000 đồng và được giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bằng Đồng Việt Nam, có thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay là 5% một năm (31 tháng 12 năm 2013: Không có).

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) dưới hình thức tín dụng thư có thể rút bằng Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam tương đương với hạn mức tối đa là 2.700.000 đô la Mỹ và được giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bằng Đồng Việt Nam, có thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay từ 4,5% một năm (31 tháng 12 năm 2013: 5,5% một năm).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.193.090.102
Thuế thu nhập cá nhân	156.661.552	139.996.025
Thuế khác	3.121.088.108	-
	<u>3.277.749.660</u>	<u>1.333.086.127</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍTòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	480.990.834	1.377.007.390
Chi phí cung cấp Monitoring Ballast cho Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	5.251.675.000	-
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm dầu DO	978.391.537	-
Chi phí dự án Cù Lao Tào	1.754.499.900	1.754.499.900
Chi phí cho dự án phần mềm bản quyền Microsoft	-	1.522.924.204
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	8.018.357.680	29.692.169.687
Chi phí dịch vụ tòa nhà	-	1.300.000.000
Chi phí phải trả khác	1.032.760.210	408.665.363
	<u>17.516.675.161</u>	<u>36.055.266.544</u>

18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả	10.802.674.150	6.860.828.050
Phải trả Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.127.382.089	-
Kinh phí công đoàn	436.705.036	373.970.666
Bảo hiểm thất nghiệp	774.800	-
Phải trả tiền mua cổ phần của công ty liên kết	-	18.360.000.000
Khác	72.723.589	55.663.573
	<u>12.440.259.664</u>	<u>25.650.462.289</u>

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	44.441.954.700	46.374.213.600
	<u>44.441.954.700</u>	<u>46.374.213.600</u>

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11 - Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuê giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo kỳ thanh toán với lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

1250
II N
ON
NHIE
LO
ET
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.864.517.800	3.864.517.800
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	<u>28.983.883.500</u>	<u>30.916.142.400</u>
	48.306.472.500	50.238.731.400
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phải trả người bán)	<u>3.864.517.800</u>	<u>3.864.517.800</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>44.441.954.700</u></u>	<u><u>46.374.213.600</u></u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2014</u>		<u>31/12/2013</u>	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	<u>44.000.000.000</u>	<u>22,0</u>	<u>44.000.000.000</u>	<u>22,0</u>
	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>100</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>100</u></u>

002-C
 ANH
 TY
 HỮU HẠI
 TTE
 AM
 Ồ CHÍN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

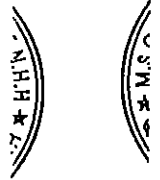
MẪU B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	200.000.000.000	27.339.344.475	5.203.339.752	20.137.588.761	252.680.272.988
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	28.426.676.877	28.426.676.877
Trích lập quỹ (Hoàn nhập)/trích lập bổ sung quỹ năm trước	-	2.768.465.622 (4.747.714.323)	1.402.823.238	(4.171.288.860)	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	4.747.714.323	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(2.768.465.622)	(2.768.465.622)
Số dư tại ngày 31/12/2013	200.000.000.000	25.360.095.774	6.606.162.990	(485.925.689)	(485.925.689)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	21.886.299.790	253.852.558.554
Trích lập quỹ (1)	-	997.217.400	997.217.400	20.720.271.831	20.720.271.831
Trích lập bổ sung quỹ năm trước (2)	-	74.202.066	37.101.033	(111.303.099)	-
Chia cổ tức trong năm (2)	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1) & (2)	-	-	-	(2.068.636.864)	(2.068.636.864)
Số dư tại ngày 31/12/2014	200.000.000.000	26.431.515.240	7.640.481.423	17.432.196.858	251.504.193.521

(1) Trong năm, Công ty đã dựa trên tỷ lệ trích các quỹ năm 2013 để tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 997.217.400 đồng, 997.217.400 đồng và 1.994.434.799 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2014.

(2) Công ty đã thông qua việc trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát với số tiền lần lượt là 2.842.667.688 đồng, 1.421.333.844 đồng, 2.842.667.688 đồng và 324.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 71/4NQ-TMDK-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2014. Số trích lập quỹ trong năm là chênh lệch giữa số tiền Công ty đã tạm trích các quỹ trong năm 2013 và số tiền thực tế được phê duyệt theo Nghị quyết này. Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết này, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với số tiền là 21.000.000.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng	2.078.395.955.197	1.446.806.094.805
Doanh thu cung cấp dịch vụ	102.844.052.087	38.821.435.173
Doanh thu xây dựng	15.987.972.450	81.426.856.607
	<u>2.197.227.979.734</u>	<u>1.567.054.386.585</u>
Hàng bán bị trả lại	-	(15.067.475.072)
	<u>2.197.227.979.734</u>	<u>1.551.986.911.513</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.004.759.353.465	1.363.509.907.623
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	87.183.525.294	21.603.928.512
Chi phí xây dựng	14.871.279.720	81.863.008.010
	<u>2.106.814.158.479</u>	<u>1.466.976.844.145</u>

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	25.401.349.452	57.564.336.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.233.548.537	3.419.804.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.404.071.038	77.484.770.600
Chi phí khác bằng tiền	27.446.511.275	18.894.043.074
	<u>156.485.480.302</u>	<u>157.362.954.437</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	24.996.839.801	18.336.704.323
Lãi đầu tư cổ phiếu	2.528.908.816	1.543.835.184
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.370.747.505	3.143.526.671
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.153.728.861	1.465.236.594
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.731.520	-
	<u>34.056.956.503</u>	<u>24.489.302.772</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	27.432.015.998	11.513.470.667
Lãi trả chậm	2.715.644.428	3.509.245.164
Lỗ do bán chứng khoán	817.385.189	592.461.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.659.029.192	1.757.527.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	61.942.093	358.966.836
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng	949.996.935	749.861.184
Chi phí tài chính khác	-	104.484.904
	<u>36.636.013.835</u>	<u>18.586.017.327</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.614.915.629	37.008.394.942
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.004.212.775	423.392.151
Doanh thu không tính thuế năm trước	-	2.574.124.773
Trừ: Chi phí của doanh thu không tính thuế năm trước	-	(2.535.512.936)
Thu nhập không chịu thuế	(4.370.747.505)	(3.143.526.671)
Thu nhập chịu thuế	<u>22.248.380.899</u>	<u>34.326.872.259</u>
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.894.643.798</u>	<u>8.581.718.065</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

2500
I NH/
ING
HIỆN
LOIT
T NI
TP. HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	238.413.196.160	382.103.174.212
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	151.469.646.564	485.732.235.539
Nợ thuần	86.943.549.596	-
Vốn chủ sở hữu	251.504.193.521	253.852.558.554
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,35</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	151.469.646.564	485.732.235.539
Phải thu khách hàng và phải thu khác	379.760.745.655	189.215.638.276
Các khoản đầu tư tài chính	26.152.001.692	69.561.500.000
Các khoản ký quỹ	13.000.000	13.000.000
Tổng	<u>557.395.393.911</u>	<u>744.522.373.815</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	238.413.196.160	382.103.174.212
Phải trả người bán và phải trả khác	444.713.570.607	296.995.986.676
Chi phí phải trả	17.516.675.161	36.055.266.544
Tổng	<u>700.643.441.928</u>	<u>715.154.427.432</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	13.831.543.366	15.736.493.959	29.090.078.954	6.497.333.401
Euro ("EUR")	85.961.937	11.676.466	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với VND thì lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính 2014 và năm 2013 sẽ giảm/tăng một khoản tiền tương ứng lần lượt là 457.756.068 đồng và 277.174.817 đồng.

Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất năm rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2014</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương	151.469.646.564	-	-	151.469.646.564
Phải thu khách hàng và phải thu khác	379.760.745.655	-	-	379.760.745.655
Các khoản đầu tư tài chính	3.954.163.811	22.197.837.881	-	26.152.001.692
Các khoản ký quỹ	-	13.000.000	-	13.000.000
	<u>535.184.556.030</u>	<u>22.210.837.881</u>	-	<u>557.395.393.911</u>
Các khoản vay	238.413.196.160	-	-	238.413.196.160
Phải thu khách hàng và phải thu khác	400.271.615.907	15.458.071.200	28.983.883.500	444.713.570.607
Chi phí phải trả	17.516.675.161	-	-	17.516.675.161
	<u>656.201.487.228</u>	<u>15.458.071.200</u>	<u>28.983.883.500</u>	<u>700.643.441.928</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	(121.016.931.198)	6.752.766.681	(28.983.883.500)	(143.248.048.017)
<u>31/12/2013</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương	485.732.235.539	-	-	485.732.235.539
Phải thu khách hàng và phải thu khác	189.215.638.276	-	-	189.215.638.276
Các khoản đầu tư tài chính	30.861.500.000	38.700.000.000	-	69.561.500.000
Các khoản ký quỹ	-	13.000.000	-	13.000.000
	<u>705.809.373.815</u>	<u>38.713.000.000</u>	-	<u>744.522.373.815</u>
Các khoản vay	382.103.174.212	-	-	382.103.174.212
Phải thu khách hàng và phải thu khác	250.621.773.076	15.458.071.200	30.916.142.400	296.995.986.676
Chi phí phải trả	36.055.266.544	-	-	36.055.266.544
	<u>668.780.213.832</u>	<u>15.458.071.200</u>	<u>30.916.142.400</u>	<u>715.154.427.432</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	37.029.159.983	23.254.928.800	(30.916.142.400)	29.367.946.383

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

00112E
 CHI I
 CÔN
 RÁCH NH
 DELI
 VIỆT
 Y - TF

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍTòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

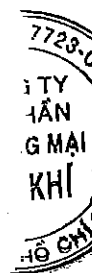
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An	Cổ đông	
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty con	
	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	85.225.859.102	184.810.784.682
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	134.263.009.365	161.389.520.922
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.269.705.464.511	944.614.670.265
Công bố và trả cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	6.090.000.000	6.960.000.000
Lãi trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.715.644.428	3.509.245.164
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần thương mại Năng Lượng Xanh	3.238.651.505	1.574.366.671
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.801.800.000	4.418.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

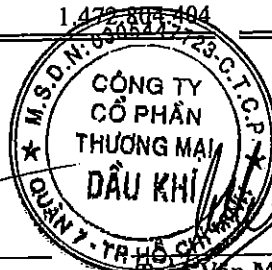
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.379.265.428	24.988.995.605
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>73.929.411.457</u>	<u>3.987.721.996</u>
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>8.757.282.260</u>	<u>-</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>235.778.063.930</u>	<u>186.963.206.284</u>
Phải trả khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.127.382.089	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>-</u>	<u>2.550.000.000</u>
Nhận ứng trước từ khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>1.472.803.404</u>	<u>-</u>

Phạm Thị Hồng Yên
 Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
 Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 09 tháng 3 năm 2015

C.P. H.M.

N.H.H. L.T.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6-7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8-30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó chủ tịch
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Đinh Việt Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014)
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chức vụ và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 09 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Thanh Phương
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2061-2013-001-1

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

00-00
HÀNH
G. TY
EM HỮU
DIT
NAM
HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

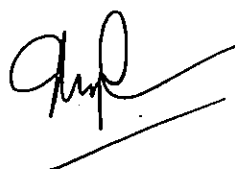
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		818.534.779.780	874.866.652.342
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	153.172.516.127	488.161.760.521
1. Tiền	111		120.172.516.127	48.552.606.709
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	439.609.153.812
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.954.163.811	30.861.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.151.859.811	31.611.361.184
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.197.696.000)	(749.861.184)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		453.288.559.027	342.201.872.192
1. Phải thu khách hàng	131		267.260.878.543	179.399.262.534
2. Trả trước cho người bán	132		145.479.664.570	153.973.165.069
3. Các khoản phải thu khác	135	7	44.839.099.211	8.829.444.589
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.291.083.297)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	185.888.040.346	12.820.045.922
1. Hàng tồn kho	141		185.888.040.346	12.820.045.922
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.231.500.469	821.473.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		214.667.055	65.495.153
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.101.573.284	755.978.554
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.915.260.130	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)	200		159.313.941.253	145.775.692.648
I. Tài sản cố định	220		111.166.651.777	82.397.070.083
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	67.035.118.752	73.133.196.519
- Nguyên giá	222		82.415.849.383	82.074.893.473
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.380.730.631)	(8.941.696.954)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	9.485.303.025	9.263.873.564
- Nguyên giá	228		9.660.630.710	9.660.630.710
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(175.327.685)	(396.757.146)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	34.646.230.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45.106.269.616	59.394.716.906
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	21.106.269.616	20.694.716.906
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	24.000.000.000	41.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(2.300.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.227.099.732	1.933.387.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.214.099.732	1.920.387.254
2. Tài sản dài hạn khác	268		13.000.000	13.000.000
IV. Lợi thế thương mại	269	14	1.813.920.128	2.050.518.405
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		<u>977.848.721.033</u>	<u>1.020.642.344.990</u>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

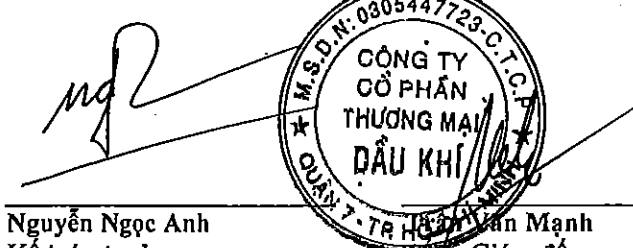
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		710.875.158.666		747.241.529.650	
I. Nợ ngắn hạn	310		666.432.960.466		700.867.072.550	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	238.413.196.160		382.103.174.212	
2. Phải trả người bán	312		389.639.020.279		245.509.882.123	
3. Người mua trả tiền trước	313		1.971.541.190		3.870.340.958	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	3.704.501.368		1.855.897.321	
5. Phải trả người lao động	315		495.919.769		3.575.441.929	
6. Chi phí phải trả	316	17	17.516.675.161		36.055.266.544	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	12.461.784.584		23.154.768.750	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.230.321.955		4.742.300.713	
II. Nợ dài hạn	330		44.442.198.200		46.374.457.100	
1. Phải trả dài hạn người bán	331	19	44.441.954.700		46.374.213.600	
2. Phải trả dài hạn khác	333		243.500		243.500	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		256.144.972.256		260.060.288.355	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	256.144.972.256		260.060.288.355	
1. Vốn cổ phần	411		200.000.000.000		200.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.431.515.240		25.360.095.774	
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.898.010.819		6.677.562.990	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.815.446.197		28.022.629.591	
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	21	10.828.590.111		13.340.526.985	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		977.848.721.033		1.020.642.344.990	
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
I. Ngoại tệ các loại:		Đơn vị	31/12/2014		31/12/2013	
- Đô la Mỹ		USD	58.205		547.278	
- Euro		EUR	3.230		404	



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

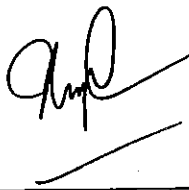



Nguyễn Văn Mạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

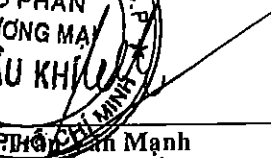
MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.155.605.576.149	1.649.026.635.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	15.067.475.072
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	2.155.605.576.149	1.633.959.160.792
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	2.063.053.576.997	1.536.841.299.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		92.551.999.152	97.117.861.242
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	30.823.941.039	23.132.474.601
7. Chi phí tài chính	22	27	34.833.851.716	18.586.017.327
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.432.015.998	11.513.470.667
8. Chi phí bán hàng	24		29.521.307.375	28.990.808.861
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.768.493.632	27.899.177.038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		25.252.287.468	44.774.332.617
11. Thu nhập khác	31		2.371.345.483	667.715.364
12. Chi phí khác	32		2.490.622.735	779.657.820
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(119.277.252)	(111.942.456)
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45	12	619.867.525	1.618.826.877
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		25.752.877.741	46.281.217.038
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	5.415.912.926	10.996.968.957
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		20.336.964.815	35.284.248.081
Phân bổ cho:				
- Cổ đông thiểu số	61	21	885.837.016	3.471.926.985
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		19.451.127.799	31.812.321.096
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	973	1.591


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng




Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.752.877.741		46.281.217.038	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.894.412.572		5.080.976.283	
- Các khoản dự phòng	03	3.438.918.113		749.861.184	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	61.942.093		358.966.836	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.277.712.142)		(23.286.064.884)	
- Chi phí lãi vay	06	27.432.015.998		11.513.470.667	
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34.302.454.375		40.698.427.124	
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(138.517.936.463)		(154.636.624.959)	
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(173.067.994.424)		29.821.091.276	
- Thay đổi các khoản phải trả	11	120.583.116.517		154.137.575.506	
- Thay đổi chi phí trả trước	12	834.212.901		488.520.490	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(28.328.032.554)		(10.293.593.000)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.620.249.244)		(11.429.421.679)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.878.422.656)		(2.619.392.800)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(197.692.851.548)		46.166.581.958	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(33.763.866.955)		(17.120.359.252)	
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(1.068.264.971.774)		(50.671.072.000)	
3. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	1.093.724.473.147		29.895.356.816	
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.360.000.000)		-	
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.000.000.000		-	
6. Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	30.561.153.869		21.239.484.311	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.896.788.287		(16.656.590.125)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.825.373.775.294		964.172.013.043	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.969.063.753.346)		(661.959.658.157)	
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(14.508.153.900)		(22.064.775.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(158.198.131.952)		280.147.579.886	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(334.994.195.213)		309.657.571.719	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	488.161.760.521		178.542.181.166	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.950.819		(37.992.364)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	<u>153.172.516.127</u>		<u>488.161.760.521</u>	

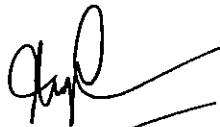
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả không bao gồm 480.990.834 đồng (năm 2013: 1.377.007.390 đồng), là chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định không bao gồm 1.732.311.500 đồng (năm 2013: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm 10.802.674.150 đồng (năm 2013: 4.310.828.050 đồng), là số cổ tức được công bố mà chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty mẹ

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 3 năm 2013. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008. Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 159 người (31 tháng 12 năm 2013: 142 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty con

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh (gọi tắt là "GEC") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500867357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Tổng số nhân viên của GEC tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 17 người (31 tháng 12 năm 2013: 11 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của GEC là mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô và xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp. GEC có trụ sở chính tại Ô 1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại GEC là 51%.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính và giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lộ đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 không trích khấu hao vì không có thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây). Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	647.133.141	643.974.872
Tiền gửi ngân hàng	119.525.382.986	47.908.631.837
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	439.609.153.812
	<u>153.172.516.127</u>	<u>488.161.760.521</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có thời hạn dưới ba tháng tại ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất 1% một năm (31 tháng 12 năm 2013: 6% đến 7% một năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.151.859.811	11.611.361.184
Đầu tư ngắn hạn khác	-	20.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.197.696.000)	(749.861.184)
	<u>3.954.163.811</u>	<u>30.861.500.000</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.583.333	1.907.892.585
Phải thu Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.757.282.260	-
Phải thu khác	36.077.233.618	6.921.552.004
	<u>44.839.099.211</u>	<u>8.829.444.589</u>

500-
NH
NG
HIỆM
LỢI
ET N
TP.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	64.937.300.947	674.775.744
Thành phẩm	-	12.900.100
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, trong đó:	120.950.739.399	12.132.370.078
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu	11.390.811.580	6.313.372.881
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	14.841.145.000	2.228.627.596
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Vietsopetro	6.853.959.600	1.059.347.005
- Hợp đồng cung cấp ống casing cho Công ty TNHH	75.264.582.377	-
- Hợp đồng cung cấp ống casing cho Talisman	6.430.000.000	-
- Các hợp đồng khác	6.170.240.842	2.531.022.596
	<u>185.888.040.346</u>	<u>12.820.045.922</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	60.685.518.072	6.501.170.467	14.832.290.186	55.914.748	82.074.893.473
Tăng trong năm	-	706.345.455	143.603.000	-	849.948.455
Thanh lý	-	(508.992.545)	-	-	(508.992.545)
Tại ngày 31/12/2014	<u>60.685.518.072</u>	<u>6.698.523.377</u>	<u>14.975.893.186</u>	<u>55.914.748</u>	<u>82.415.849.383</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	2.913.336.751	2.372.610.858	3.599.834.597	55.914.748	8.941.696.954
Khấu hao trong năm	1.762.245.268	1.162.100.264	3.960.056.628	-	6.884.402.160
Thanh lý	-	(445.368.483)	-	-	(445.368.483)
Tại ngày 31/12/2014	<u>4.675.582.019</u>	<u>3.089.342.639</u>	<u>7.559.891.225</u>	<u>55.914.748</u>	<u>15.380.730.631</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>56.009.936.053</u>	<u>3.609.180.738</u>	<u>7.416.001.961</u>	<u>-</u>	<u>67.035.118.752</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>57.772.181.321</u>	<u>4.128.559.609</u>	<u>11.232.455.589</u>	<u>-</u>	<u>73.133.196.519</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.866.765.760 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 635.992.674 đồng).

02-G
IH
Y
UUHA
TE
IM
3CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	2.000.000.000	154.472.660	7.506.158.050	9.660.630.710
Tại ngày 31/12/2014	2.000.000.000	154.472.660	7.506.158.050	9.660.630.710
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	10.844.613	154.472.660	231.439.873	396.757.146
Khấu hao trong năm	10.010.412	-	-	10.010.412
Giảm khác	-	-	(231.439.873)	(231.439.873)
Tại ngày 31/12/2014	20.855.025	154.472.660	-	175.327.685
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	1.979.144.975	-	7.506.158.050	9.485.303.025
Tại ngày 31/12/2013	1.989.155.387	-	7.274.718.177	9.263.873.564

Nguyên giá của phần mềm máy tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 154.472.660 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là giá trị hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu Dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ mua từ Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long nhưng chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	2014 VND	2013 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	20.860.000.000	20.860.000.000
Phần lãi/(lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư	246.269.616	(165.283.094)
	<u>21.106.269.616</u>	<u>20.694.716.906</u>

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim được thành lập tại Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 262031000068 do Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa cấp ngày 22 tháng 9 năm 2009 là 30 tỷ đồng. Tổng số vốn cam kết góp của Công ty mẹ là 7,5 tỷ đồng, tương ứng với 25% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hậu cần cho Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa.

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí được thành lập tại Hà Nội với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103349508 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 là 42.352.900.000 đồng. Tổng số vốn cam kết góp của Công ty mẹ là 18,36 tỷ đồng, tương ứng với 43,35% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	98.726.391.647	90.773.358.464
Tổng công nợ	49.616.790.719	43.886.966.377
Tài sản thuần	<u>49.109.600.928</u>	<u>46.886.392.087</u>
Phần tài sản thuần của Công ty mẹ trong công ty liên kết	<u>19.324.073.409</u>	<u>18.611.568.761</u>
	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần	35.995.228.685	14.769.210.328
Lãi thuần	<u>1.852.660.349</u>	<u>6.475.307.508</u>
Lãi thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>619.867.525</u>	<u>1.618.826.877</u>

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày kết thúc năm tài chính của Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Trang trí Kiến trúc ADC	-	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>
	<u>24.000.000.000</u>	<u>41.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,0	2,0	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014

2.365.982.774

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2014

315.464.369

Khấu hao trong năm

236.598.277

Tại ngày 31/12/2014

552.062.646

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2014

1.813.920.128

Tại ngày 31/12/2013

2.050.518.405

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

31/12/2014

31/12/2013

VND

VND

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

86.000.000.000

346.000.000.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam

119.807.672.760

-

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)

32.605.523.400

10.315.328.940

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

-

25.787.845.272

238.413.196.160

382.103.174.212

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương với hạn mức tối đa là 650.000.000.000 đồng và được giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bằng Đồng Việt Nam, có thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay là 6% một năm (31 tháng 12 năm 2013: 6,5% đến 7% một năm).

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương với hạn mức tối đa là 150.000.000.000 đồng và được giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bằng Đồng Việt Nam, có thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay là 5% một năm (31 tháng 12 năm 2013: Không có).

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) dưới hình thức tín dụng thư có thể rút bằng Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam tương đương với hạn mức tối đa là 2.700.000 đô la Mỹ và được giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bằng Đồng Việt Nam, có thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay từ 4,5% một năm (31 tháng 12 năm 2013: 5,5% một năm).

3500-
NHÁI
NG T
HIỆM H
LỢI T
T N
TP. HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.723.758	1.711.799.946
Thuế thu nhập cá nhân	160.689.502	144.097.375
Thuế khác	3.121.088.108	-
	<u>3.704.501.368</u>	<u>1.855.897.321</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	480.990.834	1.377.007.390
Chi phí cung cấp Monitoring Ballast cho Công ty		
Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	5.251.675.000	-
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm dầu DO	978.391.537	-
Chi phí dự án Cù Lao Tào	1.754.499.900	1.754.499.900
Chi phí cho dự án phần mềm bản quyền Microsoft	-	1.522.924.204
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	8.018.357.680	29.692.169.687
Chi phí dịch vụ tòa nhà	-	1.300.000.000
Chi phí phải trả khác	1.032.760.210	408.665.363
	<u>17.516.675.161</u>	<u>36.055.266.544</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cổ tức phải trả	10.802.674.150	4.310.828.050
Phải trả Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.127.382.089	-
Kinh phí công đoàn	436.705.036	373.970.666
Bảo hiểm xã hội	17.219.935	13.145.071
Bảo hiểm y tế	2.980.373	2.639.082
Bảo hiểm thất nghiệp	2.099.412	1.095.421
Phải trả tiền mua cổ phần của công ty liên kết	-	18.360.000.000
Khác	72.723.589	93.090.460
	<u>12.461.784.584</u>	<u>23.154.768.750</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	44.441.954.700	46.374.213.600
	<u>44.441.954.700</u>	<u>46.374.213.600</u>

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11 - Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo kỳ thanh toán với lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.864.517.800	3.864.517.800
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	28.983.883.500	30.916.142.400
	<u>48.306.472.500</u>	<u>50.238.731.400</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải trả người bán)	3.864.517.800	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	<u>44.441.954.700</u>	<u>46.374.213.600</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ đông VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 31/12/2012	200.000.000.000	27.339.344.475	5.203.339.752	20.297.631.362	252.840.315.589
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	31.812.321.096	31.812.321.096
Trích lập quỹ	-	2.768.465.622	1.474.223.238	(7.116.154.482)	(2.873.465.622)
Hoàn nhập quỹ	-	(4.747.714.323)	-	4.747.714.323	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(523.725.689)	(523.725.689)
Chia cổ tức	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Tăng do điều chỉnh giá trị hợp lý	-	-	-	2.804.842.981	2.804.842.981
Số dư tại ngày 31/12/2013	200.000.000.000	25.360.095.774	6.677.562.990	28.022.629.591	260.060.288.355
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.451.127.799	19.451.127.799
Trích lập quỹ (1)	-	997.217.400	1.183.346.796	(2.180.564.196)	-
Trích lập bổ sung quỹ năm trước (2)	-	74.202.066	37.101.033	(111.303.099)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(186.129.396)	(186.129.396)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1) & (2)	-	-	-	(2.180.314.502)	(2.180.314.502)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	200.000.000.000	26.431.515.240	7.898.010.819	21.815.446.197	256.144.972.256

- (1) Trong năm, Công ty đã dựa trên tỷ lệ trích các quỹ năm 2013 để tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 997.217.400 đồng, 997.217.400 đồng và 1.994.434.799 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2014.
- (2) Công ty đã thông qua việc trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát với số tiền lần lượt là 2.842.667.688 đồng, 1.421.333.844 đồng, 2.842.667.688 đồng và 324.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 714/NQ-TMDK-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2014. Số trích lập quỹ trong năm là chênh lệch giữa số tiền Công ty đã tạm trích các quỹ trong năm 2013 và số tiền thực tế được phê duyệt theo Nghị quyết này. Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết này, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với số tiền là 21.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty con - Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số cụ thể như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	20.000.000.000	20.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn của Công ty mẹ	10.200.000.000	10.200.000.000
- Vốn của cổ đông thiểu số	<u>9.800.000.000</u>	<u>9.800.000.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>49%</u>	<u>49%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số đối với giá trị tài sản thuần:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn của cổ đông thiểu số	9.800.000.000	9.800.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	247.430.205	68.600.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>781.159.906</u>	<u>3.471.926.985</u>
	<u><u>10.828.590.111</u></u>	<u><u>13.340.526.985</u></u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	1.807.830.645	7.085.565.275
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>885.837.016</u>	<u>3.471.926.985</u>

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác và bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác – kinh doanh mua bán vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí và các dịch vụ khác.

Bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu – sản xuất và kinh doanh chất phụ gia xăng dầu.

0-0
HÀ
G T
EMH
HT
N
HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

31/12/2014	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	879.761.209.497	98.087.511.536	977.848.721.033
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	<u>977.848.721.033</u>
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	634.886.810.621	75.988.348.045	710.875.158.666
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	<u>710.875.158.666</u>
31/12/2013	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	VND
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	986.314.642.173	34.327.702.817	1.020.642.344.990
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	<u>1.020.642.344.990</u>
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	740.139.392.108	7.102.137.542	747.241.529.650
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	<u>747.241.529.650</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

2014	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.062.964.970.369	92.640.605.780	2.155.605.576.149
Giá vốn	(1.973.480.751.822)	(89.572.825.175)	(2.063.053.576.997)
Kết quả hoạt động kinh doanh	<u>89.484.218.547</u>	<u>3.067.780.605</u>	<u>92.551.999.152</u>
Chi phí bán hàng			(29.521.307.375)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(33.768.493.632)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			29.262.198.145
Doanh thu hoạt động tài chính			30.823.941.039
Chi phí tài chính			(34.833.851.716)
Lỗ khác			(119.277.252)
Lãi trong công ty liên kết			619.867.525
Lợi nhuận kế toán trước thuế			25.752.877.741
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(5.415.912.926)
Lợi nhuận trong năm			<u>20.336.964.815</u>
Thông tin khác			
Khấu hao			<u>6.894.412.572</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2013	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu	Tổng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.390.597.390.591	243.361.770.201	1.633.959.160.792
Giá vốn	(1.305.623.179.223)	(231.218.120.327)	(1.536.841.299.550)
Kết quả hoạt động kinh doanh	84.974.211.368	12.143.649.874	97.117.861.242
Chi phí bán hàng			(28.990.808.861)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(27.899.177.038)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			40.227.875.343
Doanh thu hoạt động tài chính			23.132.474.601
Chi phí tài chính			(18.586.017.327)
Lỗ khác			(111.942.456)
Lãi trong công ty liên kết			1.618.826.877
Lợi nhuận kế toán trước thuế			46.281.217.038
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(10.996.968.957)
Lợi nhuận trong năm			35.284.248.081
Thông tin khác			
Khấu hao			5.080.976.283

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán chất phụ gia xăng dầu	92.640.605.780	243.361.770.201
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	2.046.976.997.919	1.324.238.009.056
Doanh thu xây dựng	15.987.972.450	81.426.856.607
	2.155.605.576.149	1.649.026.635.864
Hàng bán bị trả lại	-	15.067.475.072
	2.155.605.576.149	1.633.959.160.792

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn chất phụ gia xăng dầu đã bán	89.572.825.175	231.253.976.327
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.958.609.472.102	1.224.160.466.616
Chi phí xây dựng	14.871.279.720	81.426.856.607
	2.063.053.576.997	1.536.841.299.550



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.511.660.945	227.737.744.866
Chi phí nhân công	26.095.686.602	29.584.099.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.894.412.572	5.080.976.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.333.371.041	79.629.525.356
Chi phí khác bằng tiền	28.031.549.853	19.886.382.612
	<u>313.866.681.013</u>	<u>361.918.729.061</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	24.996.839.801	18.554.242.823
Lãi đầu tư cổ phiếu	2.528.908.816	1.543.835.184
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.132.096.000	1.569.160.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.153.728.861	1.465.236.594
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.367.561	-
	<u>30.823.941.039</u>	<u>23.132.474.601</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.432.015.998	11.513.470.667
Lãi trả chậm	2.715.644.428	3.509.245.164
Lỗ do bán chứng khoán	817.385.189	592.461.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.659.029.192	1.757.527.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	61.942.093	358.966.836
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(852.165.184)	749.861.184
Chi phí tài chính khác	-	104.484.904
	<u>34.833.851.716</u>	<u>18.586.017.327</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.752.877.741	46.281.217.038
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.387.473.949	856.033.828
Doanh thu không tính thuế năm trước	-	2.574.124.773
Trừ: Doanh thu không tính thuế	(231.439.873)	(2.535.512.936)
Thu nhập không chịu thuế	(2.934.258.119)	(1.569.160.000)
Lãi đầu tư từ công ty liên kết	(619.867.525)	(1.618.826.877)
Thu nhập chịu thuế	<u>24.354.786.173</u>	<u>43.987.875.826</u>
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.358.052.958</u>	<u>10.996.968.957</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ năm trước	57.859.968	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u><u>5.415.912.926</u></u>	<u><u>10.996.968.957</u></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.451.127.799	31.812.321.096
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.451.127.799	31.812.321.096
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20.000.000</u>	<u>20.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>973</u></u>	<u><u>1.591</u></u>

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Các khoản vay	238.413.196.160	382.103.174.212
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	153.172.516.127	488.161.760.521
Nợ thuần	85.240.680.033	-
Vốn chủ sở hữu	<u>256.144.972.256</u>	<u>260.060.288.355</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u><u>0,33</u></u>	<u><u>-</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	153.172.516.127	488.161.760.521
Phải thu khách hàng và phải thu khác	307.808.894.457	188.228.707.123
Các khoản đầu tư tài chính	27.954.163.811	69.561.500.000
Các khoản ký quỹ	13.000.000	13.000.000
Tổng	488.948.574.395	745.964.967.644
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	238.413.196.160	382.103.174.212
Phải trả người bán và phải trả khác	444.956.372.718	314.648.014.233
Chi phí phải trả	17.516.675.161	36.055.266.544
Tổng	700.886.244.039	732.806.454.989

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
USD	13.831.543.366	15.736.493.959	29.090.078.954	6.497.333.401
EUR	85.961.937	11.676.466	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với VND thì lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm 2014 và năm 2013 sẽ giảm/tăng một khoản tiền tương ứng lần lượt là 457.756.068 đồng và 277.174.817 đồng.

Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

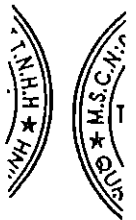
Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2014</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.172.516.127	-	-	153.172.516.127
Phải thu khách hàng và phải thu khác	307.808.894.457	-	-	307.808.894.457
Các khoản đầu tư tài chính	3.954.163.811	24.000.000.000	-	27.954.163.811
Các khoản ký quỹ	-	13.000.000	-	13.000.000
	<u>464.935.574.395</u>	<u>24.013.000.000</u>	-	<u>488.948.574.395</u>
Các khoản vay	238.413.196.160	-	-	238.413.196.160
Phải trả người bán và phải trả khác	400.514.418.018	15.458.071.200	28.983.883.500	444.956.372.718
Chi phí phải trả	17.516.675.161	-	-	17.516.675.161
	<u>656.444.289.339</u>	<u>15.458.071.200</u>	<u>28.983.883.500</u>	<u>700.886.244.039</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(191.508.714.944)</u>	<u>8.554.928.800</u>	<u>(28.983.883.500)</u>	<u>(211.937.669.644)</u>
<u>31/12/2013</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	488.161.760.521	-	-	488.161.760.521
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.228.707.123	-	-	188.228.707.123
Các khoản đầu tư tài chính	30.861.500.000	38.700.000.000	-	69.561.500.000
Các khoản ký quỹ	-	13.000.000	-	13.000.000
	<u>707.251.967.644</u>	<u>38.713.000.000</u>	-	<u>745.964.967.644</u>
Các khoản vay	382.103.174.212	-	-	382.103.174.212
Phải trả người bán và phải trả khác	268.273.800.633	15.458.071.200	30.916.142.400	314.648.014.233
Chi phí phải trả	36.055.266.544	-	-	36.055.266.544
	<u>686.432.241.389</u>	<u>15.458.071.200</u>	<u>30.916.142.400</u>	<u>732.806.454.989</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>20.819.726.255</u>	<u>23.254.928.800</u>	<u>(30.916.142.400)</u>	<u>13.158.512.655</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Dầu Việt Nam
 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An
 Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim
 Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí

Mối quan hệ

Cổ đông
 Cổ đông
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

0112500
 CHI NH.
 CÔNG
 CH NHIỆM
 DELOITTE
 VIỆT N
 TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

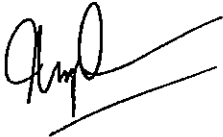
	2014 VND	2013 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>85.225.859.102</u>	<u>184.810.784.682</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>1.269.705.464.511</u>	<u>944.614.670.265</u>
Công bố và trả cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>6.090.000.000</u>	<u>6.960.000.000</u>
Lãi trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.715.644.428</u>	<u>3.509.245.164</u>
Cổ tức được nhận		
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>3.238.651.505</u>	<u>1.574.366.671</u>


Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:


	2014 VND	2013 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>1.801.800.000</u>	<u>4.418.000.000</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm/niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>3.379.265.428</u>	<u>24.988.995.605</u>
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>8.757.282.260</u>	<u>-</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>235.778.063.930</u>	<u>186.963.206.284</u>
Phải trả khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>1.127.382.089</u>	<u>-</u>
Nhận ứng trước từ khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>1.472.804.404</u>	<u>-</u>


 Phạm Thị Hồng Yến
 Người lập biểu


 Nguyễn Ngọc Anh
 Kế toán trưởng


 Trần Văn Mạnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 09 tháng 3 năm 2015

